

## NAM ÔNG M NG L C – 南翁夢錄

H Nguyễn Tr ng

Nam Ông m ng l c là t p h i kí ch Hán do H Nguyễn Tr ng biên so n trong th i gian làm quan Trung Qu c vào kho ng th k XV. Tác ph m g m 31 thiên và ba bài t a c a H Hu nh, quan Th ng th b L ng tri u v i H Nguyễn Tr ng, vi t n m Chính Th ng th n m (1440). Ti p n là bài t a c a chính H Nguyễn Tr ng, vi t n m Chính Th ng th ba (1438). Cu i sách có bài h u t c a T ng Ch ng, ng i Vi t Nam, làm quan cho tri u Minh, vi t n m Chính Th ng th b y (1442). M t s d b n ch ghi có 28 thiên, thi u m t ba thiên “M nh thông thi tri u”, “Thi chí công danh” và “Ti u l thi cú”, trong ó, thiên “Ti u l thi cú” b chuy n vào ph n sau c a “Thi ngôn t ph ”, b n thân thiên “Thi ngôn t ph ” c ng b c t xén b t m t o n.

Theo l i t a c a tác gi , thì Nam Ông m ng l c c biên so n, m t là “bi u đ ng các m u vi c thi n c a ng i x a”, hai là “cung c p i u m i l cho b c quân t ”. Bên c nh ó, ây còn c coi là tác ph m m ng cho khuynh h ng vi t v “ng i th c, vi c th c” trong v n xuôi t s Vi t Nam.

M c l c:

Nam Ông m ng l c t

Ngh V ng th y m t

Trúc Lâm th t ch

T linh nh m nh

c t t h u v

Ph c trình minh

V n tang khí tuy t

V n Trinh ng nh tr c

Y thi n đ ng tâm

D ng l c th n d  
Phu thê t ti t  
T ng o th n thông  
T u ch ng minh nghi m  
Áp l ng ch n nh n  
Minh Không th n d  
Nh p m ng li u b nh  
Ni s c h nh  
C m kh ích hành  
i p t thi cách  
Thi ý thanh tân  
Trung tr c thi n chung  
Thi phú ng trung gián  
Thi đ ng ti n nh n c nh cú  
Thi ngôn t ph  
M nh thông thi tri u  
Thi chí công danh  
Ti u thi l cú  
Thi t u kinh nh n  
Thi tri u đ kh ng  
Thi x ng t ng ch c  
Thi thán trí quân  
Quý khách t ng hoan  
Nam Ông m ng l c h u t  
Nam Ông m ng l c t

南翁夢錄序(胡澐) Nam Ông m ng l c t (H Hu nh)

夫日星昭布，雲霞絢麗，天之文也；川嶽流峙，草木華實，地之文也；名物典章，禮樂教化，人之文也。普天率土，星羅碁布之國，莫不咸有是文焉。今工部左侍郎交南黎公澄孟源，性資明敏，才學優長，與予有同朝之好。間以南翁夢錄一帙見示，且徵言以弁其端。

Phù nh t tinh chiêu b , vân hà huy n l : thiên chi v n dã ; xuyên nh c l u trì, th o m c hoa th c : a chi v n dã ; danh v t i n ch ng, l nh c giáo hóa : nhân chi v n dã. Ph thiên su t th , tinh la k b chi qu c, m c b t hàm h u th v n yên. Kim Công bô T Th lang Giao Nam Lê công Tr ng M nh Nguyên, tính t minh m n, tài h c u tr ng, d d h u ng tri u chi hi u. Gian d Nam Ông m ng l c nh t pho ki n th , th tr ng ngôn d bi n kì oan.

予徧閱之，南翁乃孟源自號，其所著之文，簡約而謹嚴，豐瞻而博洽，緣情指事，陳義措辭，痛快切實，無非叙君臣之等，明彝倫之懿，闡性命道術之奧，紀家國起廢之由。以至褒贊節義，則感慨激烈，可以厲風俗，稱揚述作，則清新俊逸，可以怡性情，與夫孟源自叙餘慶所鍾云：出自幽谷，遷于喬木；生逢聖世，深沐堯仁，而有此奇遇之說，予有以知孟源之心，以為偏方之異跡，今得敷張於中夏，徧聞於郡邑，抑且播聲光於後世，苟非叨聖朝亞卿之寵任，則帙中所錄者，將泯滅於遐荒而無聞矣。今茲遭際，遂獲流傳於不朽，豈不為存沒之大幸也歟？因嘉其能旌善而篤於仁厚，故不辭其請而書此，以冠于篇端云。

正統五年歲庚申，十月望日，資德大夫正治上卿禮部尚書毘陵胡濙書。

D bi n duy t chi, Nam Ông nãi M nh Nguyên t hi u, kì s tr chi v n, gi n c  
nhi c n nghiêm, phong chiêm nhi bác h p, duyên tình ch s , tr n ngh a th t ,  
th ng khoái thi t th c, vô phi quân th n chi ng, minh di luân chi ý, xi n tính  
m nh o thu t chi áo, k gia qu c kh i ph chi do. D chí bao tán ti t ngh a, t c  
c m khái khích li t, kh d l phong t c, x ng d ng thu t tác, t c thanh tân tu n  
d t, kh d di tính tình, d phù M nh Nguyên t t d khánh s chung vân “xu t t  
u c c, thiên vu ki u m c, sinh phùng thánh th , thâm m c Nghiêu nhân, nhi h u  
th k ng ” chi thuy t, d h u d tri M nh Nguyên chi tâm, d vi thiên ph ng chi  
d tích, kim c phu tr ng trung h , bi n v n qu n p, c th bá thanh quang  
h u th , c u phi thao thánh tri u Á khanh chi s ng nhi m, t c pho trung s l c  
gi , t ng d n di t hà hoang nhi vô v n h . Kim t tao t , to i ho ch l u truy n  
b th , kh i b t vi t n m t chi i h nh đã d ? Nhân gia kì n ng tinh thiên nhi c  
nhân h u, c b t t kì th nh nhi th th , d quán vu thiên oan vân.

Chính Th ng ng niên tu Canh Thân, th p nguy t v ng nh t. T c i phu  
Chính tr Th ng khanh L b Th ng th Tì L ng H Hu nh t .

D ch ngh a

Bài t a sách “Nam Ông m ng l c”(H Hu nh)

Kìa tr i sao t a sáng, mây ráng phô màu, v n c a tr i ó ; núi non b a vây, c cây  
hoa trái, v n c a t ó ; danh v t i n ch ng, l nh c giáo hóa, v n c a ng i ó.  
Kh p trong tr i t, có bi t bao nhiêu n c, không âu không có n n v n minh.  
Nay Công b T Th lang Giao Nam Lê công Tr ng t M nh Nguyên, t tính  
thông minh, tài h c h n ng i, v i tôi có giao hi u ng tri u. M i r i em Nam  
Ông m ng l c m t cu n cho xem, l i nh dùng l i vi t t a.

Tôi xem m t l t, bi t Nam Ông là t hi u c a M nh Nguyên, dùng ó vi t v n, ng n g n mà nghiêm c n, cao nhã mà hòa h p, theo tình k vi c, l y ý t l i, thú v thi t th c, l i không quên th b c vua tôi, làm rõ c ý t luân th ng, nêu lên ch sâu sa c a tính m nh o thu t, ghi chép con ng h ng ph c a nhà n c.

n nh ca ng i ti t ngh a thì c m khái b ng b ng, có th l y ó mà u n n n phong t c ; bi u đ ng thu t tác thì siêu thoát thanh tâm, có th l y ó mà nuôi đ ng tính tình. V i câu sau, M nh Nguyên k l i phúc tr ch c a t tiên ông hun úc cho h u du “ra t hang núi, d i n cây cao[1], sinh cùng th i thánh, t m g i nhân Nghiêu nên có chuy n kì ng này”, tôi hi u c tâm y c a M nh Nguyên, ó là d u tích l c a m t ph ng, nay c phô tr ng trung h , n i danh kh p qu n p, ho c gi thanh danh còn l i t i h u th . N u không c thánh tri u s ng nhi m, cho làm Á khanh thì nh ng ghi chép trong sách này s mai m t ch n hoang xa, không ai nghe n. Nay nh tri ng , sách s c l u truy n b t h , há ch ng ph i là d p may l n tr c nguy c mai m t ó sao ? Nhân vì ánh giá cao vi c bi u đ ng cái thi n, d c lòng vào nhân h u c a ông nên tôi ã không ch i t , vi t vài l i vào u thiên sách v y.

Ngày r m tháng m i, n m Canh Thân, niên hi u Chính Th ng th n m (1440).

T c i phu, Chính tr Th ng khanh, L b Th ng th , H Hu nh ng i Tì L ng, t a.

南翁夢錄序(胡元澄) Nam Ông m ng l c t (H Nguyên Tr ng)

語稱：十室之邑，必有忠信。如丘者焉，况交南人物，自昔蕃盛，豈可以偏方而遽謂無人乎哉！前人言行才調，多有可取者，至于兵火之間，書籍灰燼，遂令泯滅無聞，可不惜歟？興思及此，尋繹舊事，遣亡殆盡，猶得百中之一二，集以為書，名之曰南翁夢錄，以備觀覽，一以揚前人之片善，一以資君

子之異聞。雖則區區于小說，亦將少助于燕談。

Ng x ng “Th p nh t chi p, t t h u trung tín nh Khâu gi yên”, hu ng Giao Nam nhân v t t tích ph n th nh, kh i kh d thiên ph ng nhi c v vô nhân h tai. Ti n nhân ngôn hành, tài li u, a h u kh th gi , chí binh, h a chi gian, th t ch hôi t n, to i linh d n di t vô v n, kh b t tích d ? H ng t c p th , t m d ch c u s , di vong ãi t n, do c bách trung chi nh t nh ; t p d vi th , danh chi vi t Nam Ông m ng l c d b quan lã, nh t d d ng ti n nhân chi phi n thi n, nh t d t quân t chi d v n, tuy t c khu khu ti u thuy t, di c t ng thi u tr y n àm.

或問予曰：君所書者，皆是善人，平生聞見，無不善乎？予應之曰：善者我所樂聞，故能記之。不善者非無，吾不記耳。曰：錄以夢名，其義安在？曰：彼中人物，昔甚繁華，時遷事變，畧無遺迹，惟我一人，知而道之。非夢而何？達人君子，其知之乎？南翁澄自謂也。

正統三年戊午，重九日，正議大夫資治尹工部左侍郎交南黎澄孟源序

Ho c v n d vi t: “Quân s th gi , giai th thi n nhân, bình sinh v n ki n vô b t thi n h ?” D ng chi vi t: “Thi n gi , ngã s l c v n, c n ng ký chi, b t thi n gi phi vô, ngô b t ký nh “. Vi t: “L c d m ng danh, k ngh a an t i?” Vi t “B trung nhân v t, tích th m ph n hoa, th i thiên s bi n, l c vô di tích, duy ngã nh t nhân tri nhi o chi, phi m ng nhi hà? t nhân quân t k tri chi h ? Nam Ông, Tr ng t v đã”.

Chính Th ng tam niên, M u Ng , Trùng C u nh t. Chính ngh i phu, T Tr doãn, Công b T Th lang, Giao Nam Lê Tr ng M nh Nguyên t .

D ch ngh a

Bài t a sách “Nam Ông m ng l c”(H Nguyên Tr ng)

Lu n ng có câu “Trong m t cái p m i nhà, t t có ng i trung tín nh Khâu này v y”, hu ng gì Giao Nam nhân v t ph n th nh, ch ng l vì là n i xa xôi mà v i cho r ng không có nhân tài ? Ng i x a, l i nói , vi c làm, ghi chép, có nhi u i u kh th , nh ng qua c n binh l a, sách v cháy s ch, thành ra b m t mát không c nghe l i, ch ng áng ti c l m sao ? Ngh t i i u này, [tôi bèn] tìm ghi vi c c , th t l c g n h t, trong tr m ph n ch còn c m t hai ; góp l i thành sách, tên là Nam Ông m ng l c, phòng khi có ng i xem t i ; m t là bi u d ng vi c thi n nh c a ti n nhân, m t là cung c p chuy n quái đ cho quân t , tuy ch là t m th ng trong ti u thuy t, nh ng c ng góp vui lúc y n àm.

Ho c h i tôi r ng “Nh ng ng i ngài ghi, u là k thi n, v y thì bình sinh nghe th y l i không có chuy n b t thi n ?” Tôi tr l i r ng “Chuy n thi n, tôi v n thích nghe, nên m i ghi c, b t thi n không ph i không có, ch ng qua không nh c thôi”. L i h i “L y tên là m ng, ý ngh a àu ?” Tr l i “Nhân v t trong này, tr c r t ph n hoa, i thay vi c i, d u x a không còn, còn m i m t ng i bi t chuy n mà thôi, không ph i m ng là gì ? t nhân quân t có hi u cho không ? Nam Ông, tên t c a Tr ng v y”,

Ngày Trùng C u, n m M u Ng , niên hi u Chính Th ng th ba (1438).

Chính ngh i phu, T Tr doãn, Công b T Th lang, Giao Nam Lê Tr ng M nh Nguyên t a.

Chú thích

ây là th trong bài Ph t m c, ph n Ti u nhã c a Kinh Thi. H Nguyên Tr ng trích câu này trong thiên Thi tri u đ kh ng, k v t tiên bên ngo i c a H Quý Ly là Nguy n Thánh Hu n

藝王始末

Ngh V ng th y m t

安南陳家第八代王諱叔明，明王第三子，次妃黎氏所生也。為王子時，號曰恭定，性淳厚孝友，恭儉明斷，博學經史，不喜浮華。陳家舊例，有子既長，即使承正位，而父退居北宮，以王父尊稱，而同聽政，其實但傳名器以定後事，備倉卒爾，事皆取決於父，嗣王無異於世子也。

An Nam Tr n gia bát i v ng húy Thúc Minh, Minh V ng tam t , th phi Lê th s sinh dĩ. Vi V ng t th i, hi u vi t Cung nh, tính thu n h u hi u h u, cung ki m minh oán, bác h c kinh s , b t h thù hoa. Tr n gia c u l , h u t ký tr ng, t c s th a chính v , nhi ph thoái c B c cung, d V ng ph tôn x ng, nhi ng thnh chính, k th c ãn truy n danh khí d nh h u s , b th ng t t nh , s giai th quy t ph , t v ng vô d Th t dĩ.

初，明王庶長子既立，是為憲王，而嫡子始生，長曰恭肅，痴昧不任人事。

次曰祿星，年未出幼而憲王歿。且無嗣，祿星承父命繼立，是為裕王。庶兄

恭靖拜太尉，恭定拜左相。恭定忠信誠確，事君與親，謹慎毫髮，人無間言。

接物不親不疎，臨政無咎無譽。明王棄世，居喪三年，淚不干睫，服除，衣

無彩色，食不重味，庵蘿果海，豚魚是南方珍味，自此絕不到口。事裕王十

有餘年，裕王夭，而無嗣。大臣議曰：左相甚賢，然兄無嗣弟之義。乃以國

母令，召立恭肅子忘名為王。是時，恭肅亦已早世，子既立，以眾議進拜大

尉為太宰，左相為太師，左相弟恭宣為右相。恭肅子少不學，好遊俠，人言

妾母私通外人楊氏所生，故為宗族素所輕賤。既嗣位，居喪無戚容，舉動多

失禮，擢用親暱小人，蔑視祖父，卿士不滿。期年，宗族無狀者，相與作亂。

既捕獲，誅戮連累，枉殺甚眾。又潛謀盡去陳氏之有名目者，乃殺太宰於家。

S , Minh V ñg th ñr ñg t ký l p, th v Hi ñ V ñg, nhi ích t th y sinh, tr ñg vi t Cung Túc, si mu i b t nhi m nhân s . Th ñ vi t L c Tinh, niên v xu t u nhi Hi ñ V ñg m t, th vô t , L c Tinh th a ph m nh k l p, th vi D V ñg. Th huynh Cung T nh báí Thái úy, Cung ñnh báí T t ñg. Cung ñnh trung tín thành xác, s quân d ñ thân, c n th ñn hào phát, nhân vô gián ngôn. Ti p v t b t thân b t s , lâm chính vô c u vô d . Minh V ñg khí th , c tang tam niên, l b t can ti p, ph c tr , y vô thái s c, th c b t tr ñg v , am la qu h i ñ ñg th Nam ph ñg tr ñn v , t th tuy t b t áo kh u. S D V ñg th p h u d ñn, D V ñg y u nhi vô t . ñi th ñn ñg vi t “T t ñg th m hi ñ, nhiên khuynh vô t ñhi ñg a”, ñ ñ Qu c m u l ñh tri u l p Cung Túc t Vong Danh vi v ñg. Th th i, Cung Túc ñi c d t o th . T ký l p, d chúng ñg , ti ñn báí Thái úy vi Thái t , T t ñg vi Thái s , T t ñg Cung Tuyên vi H u t ñg. Cung Túc t thi u b t h c, hi u du hi p. Nhân ngôn thi p m u t thông ngo i nhân D ñg th s sinh, c vi tông t c t s khinh ti ñ. Ký t v , c tang vô thích dung, c ñg th t a l , tr c ñg thân ñ c ti u nhân, mi t th t ph , khanh s b t m ñn. C ñn ñn tông t c vô tr ñg gi t ñg d tác lo ñ, ký b ho ch tru l c, liên l y u ñg sát th m chúng. H u ti m m u t ñ kh Tr ñn th ñhi h u danh m c gi , ñ ñ sát Thái t vu gia.

太師夜遁，迄旦，宗族官寮盡挈家奔，都城為之蕭索。太師問道得至窮邊蠻峒，意欲自盡，左右持之，峒人留寓，旬月，人頗知之。宗族官寮相繼尋至，恭肅子遣軍追捕者，亦盡歸投。右相唱率群寮，勸請還都，以清君側。太師嗚咽謝曰：諸君早返城邑，善護明君，易亂致治，尊安社稷。某死，亦受賜。某得罪於主，脫身逃竄，待斃山林幸矣，豈敢有他。諸君幸勿相迫。眾皆喧

嘩不已，再三懇切上書，誓死無易，逼請就途，肩輦出山，遠近雲集，歡聲震天。將至都三百裡，老將阮吾郎教恭肅子，出手書罪已辭位，已而擁出迎謝。恭肅子伏地請罪，太師亦僕地，相抱慟哭，盡哀曰：主上何至如此？臣之不幸，豈意有今日也。右相拔劍，厲聲曰：天命討罪，罪人安得多言。相王豈可以煦煦之仁，失於大義。乃叱將軍掖去，促有司備禮，奉太師即王位，廢恭肅子為昏德公。王入城，謁廟涕泣，告曰：今日之事，非臣意所及，以社稷故，不得辭免。有乖忠孝，慙懼在懷。願自黜尊榮，以少酬素志。乃下令：勿用王車輦，衣服器物黑漆，無以金寶丹朱，其餘飲食服用，依前節儉，終身之喪，歿世無改。乃革亂政，率舊章，明賞罰，用賢良，以巴子不才，難堪大事，期年，使弟右相嗣位，而同聽政，是為睿王。

Thái s d n, h t án, tông t c quan liêu t n khi t gia bôn, ô thành v chi tiêu sách. Thái s gián o c chí cùng biên Man ng, ý d c t t n, t h u tri chi, ng nhân l u ng tu n nguy t, nhân ph tri chi. Tông t c quan liêu t ng k t m chí. Cung Túc t khi n quân truy b gi di c t n quy u. H u t ng x ng su t qu n liêu khuy n th nh hoàn ô, d thanh quân tr c. Thái s y n t vi t “Ch quân t o ph n thành p, thi n h minh quân, d ch lo n trí tr , tôn an xã t c, m t di c th t . M c t i vu chúa, thoát thân ào thoán, ãi t s n lâm h nh h , kh i c m h u tha. Ch quân h nh v t t ng b c”. Chúng giai huyên hoa b t d , tái tam kh n thi t th ng th th t vô d ch, b c th nh t u , kiên d xu t s n. Vi n c n vân t p, hoan thanh ch n thiên. T ng chí ô tam bách lý, lão t ng Nguy n Ngô Lang giáo Cung Túc t xu t th th t i k t v , d nhi ng xu t ng hên t . Cung Túc t ph c a th nh t i. Thái s di c phó a, t ng bảo ng kh c t n ai, vi t

“Chúa thượng hà chí nh ư thế? Thiên chi bất h ư nh, kh ả ý h ư kim nh ư t dã”. H ư t ư ng b ư t ki m l ư thanh vi t “Thiên m ư nh th o t i, t i nh ư an c ư a ngôn?”

T ư ng v ư ng kh ả kh ả d ư h ư h ư chi nh ư th t ư i ng h ư a?” N ưi s t t ư ng quân d ư ch kh ư , x ưc h ư t b l ư ph ư ng Thái s t c v ư ng v ư , ph ư Cung Túc t ư vi Hôn c ư Công. V ư ng nh ư p thành y t mi ư , th ư kh ư p cáo vi t “Kim nh ư t chi s ư phi th ư n ý s ư c p. D ư xã t c c ư , b t ư c t ư mi n. H ư u quai trung hi ư , t ưm c ư t i ho ưi. Nguy n t ư tru t tôn vinh d ư thi u th ư t chí”. N ưi h ư l nh v t d ư ng v ư ng xa d ư , y ph ư c kh ả v t h c t t, v ư d kim b o an chu. K ư d ư m th c ph c d ư ng y t i n t i t ki m, chung thân chi tang m t th ư v ư c i. N ưi cách lo n chính, su t c u ch ư ng, minh th ư ng ph t, d ư ng hi n l ư ng. D ư k t b t tài nan kham ư i s ư , c ni ưn s H ư t ư ng t v ư , nh ưi ng th ưnh chính, th ư vi Du V ư ng.

先是，占城乘國釁，數來寇，睿王即位三年，乃親伐占城，敗績，不返。王以睿王之子暉嗣位。久之，覘聽奸臣，行不道，王憂社稷傾覆，涕泣而廢之，號曰靈德公。以王小子顥入嗣位，是為順王。歷七載，父王薨，時洪武二十七年甲戌，葬於安生山，諡曰藝。

Tiên th ư , Chi ưm Thành th ư a qu c h ưn s ưc lai kh ư u. Du V ư ng t c v tam ni ưn, n ưi thân ph t Chi ưm Thành, b i t ưc b t ph n, V ư ng d Du V ư ng chi t Hi n t v ư . C u chi, chi ưm th ưnh gian th ưn, hành b t o, V ư ng u xã t c khuynh phúc, th kh ư p nh ưi ph ư chi, hi ư u vi t Linh c ư Công. D v ư ng t i u t Ngung nh ư p t v ư , th vi Thu n V ư ng. L ch th t t i, ph v ư ng ho ng. Th i H ng V nh th p th t ni ưn, Giáp Tu t, táng vu An Sinh S n, th y vi t Ngh ư .

初，藝王為兒時，八九歲，侍明王。適床上有竹奴，試命詠之。乃佔口應曰有偉此君

中空外勁

削汝為奴

恐傷天性。

明王異之，佯叱曰：此不成語，勿記錄。乃戒師傅，毋令作詩。君子謂天命有兆，誰能禦之？後果然矣。即位之後，盡取兄弟姊妹子女孫侄之孤幼者，鞠養宮中，視同已出，宗族遠近，咸被恩憐。有遭亂後，貧窶不能婚嫁者，婚嫁之；未葬者，葬之。未派支流，莫不收錄，翕然戚裡，盎若春和，國人化之，俗漸淳厚。此土之君，斯其賢者歟。

S Ngh V ng vi nhi th i, bát c u tu th Minh V ng, thích sàng th ng h u  
trúc nô, thí m nh v nh chi, nãi chiêm kh u ng vi t

H u v th quân

Trung không ngo i kính

T c nh vi nô

Kh ng th ng nhân tính

Minh V ng d chi, d ng sát vi t “Th b t thành ng , v t ký l c”. Nãi gi i s  
phó v t linh tác thi. Quân t v thiên m nh h u tri u, thù n ng ng chi, h u qu  
nhiên h . T c v chi h u, t n th huynh t mu i t n tôn di t chi cô u gi cúc  
d ng cung trung, th ng k xu t. Tông t c vi n c n hàm b ân liên. H u tao  
lo n h u, b n l b t n ng hôn giá gi , hôn giá chi; v táng gi , táng chi; m t phái  
chi l u, m c b t thu l c. H p nhiên thích lý áng nh c xuân hòa. Qu c nhân hóa  
chi, t c ti m thu n h u. Th th chi quân t k hi n gi d ?

D ch ngh a

Truy n vua Ngh V ng[1]

Vua th tám nhà Tr n n c An Nam húy Thúc Minh[2], con th ba c a Minh V ng, do th phi h Lê sinh ra. Lúc còn làm V ng t , hi u Cung nh V ng, tính thu n h u hi u h u, cung ki m sáng su t, h c kh p kinh s , không thích phù hoa. L c nhà Tr n, khi con ã l n, bèn cho k v , còn vua cha thì lui v B c cung, x ng làm V ng ph [3], cùng coi chính s , kì th c là truy n ngôi danh ngh a n nh chuy n sau, phòng khi v i vãi, ch m i vi c u do vua cha quy t nh, t v ng không khác gì Th t v y.

V n là, lúc th tr ng t c a Minh V ng là Hi n V ng lên ngôi, thì ích t [4] m i sinh, tr ng là Cung Túc V ng[5], ngu d t chuy n i ; th là L c Tinh[6], tu i còn th u thì Hi n V ng m t, l i vô t , nên L c Tinh ã vâng m nh lên ngôi, y là D V ng. Th huynh Cung T nh V ng[7] làm Thái úy, Cung nh V ng làm T T ng qu c. Cung nh V ng trung tín thành th c, th vua th cha, chu áo n t ng chân t s i tóc, không ai chê trách. Giao ti p không thân không s ; chính s không chê không khen. Minh V ng qua i, tang ba n m, m t không ráo l , tr ph c, qu n áo không màu mè, n u ng không c u ngon ; qu mu m cá heo[8] là tr n v ph ng Nam, t y tuy t nhiên không t i mi ng. Th D V ng h n m i n m. Khi D V ng m t s m, vô t , i th n bàn r ng “T t ng r t hi n, nh ng không l anh l i k ngôi em”, bèn theo l nh Qu c m u ón con c a Cung Túc V ng là Vong Danh[9] làm vua. B y gi , Cung Túc c ng ã s m m t. Sau khi con Cung Túc làm vua, theo tri u ngh , phong Thái úy lên làm Thái t , T t ng làm Thái s , và em c a T t ng là Cung Tuyên V ng[10] làm H u t ng. Con Cung Túc nh không ch u h c, ch thích lêu l ng[11]. Ng i ta n bà m t thông v i k ngo i nhân h D ng r i con, nên Vong Danh th ng b ng i tôn th t khinh r . K v r i, lúc c tang không t v au bu n, c ch ph n nhi u th t l , c t nh c b n ti u nhân thân c n, mi t th t ph , khanh s b t mẫn. N m sau, nh ng ng i tôn th t b ng b nh cùng nhau làm lo n, b b t em chém phanh thây, ng i

liên lý b gi toán r t ông. L i ng m m u kh s ch ng i h Tr n có danh v ng, bèn gi t Thái t ngay t i nhà[12].

Thái s ang êm l n tr n, sáng s m, tông t c quan liêu mang gia quy n ch y h t, ô thành vì v y v ng tanh. Thái s i ng t t n t n vùng Man ng, ý mu n t t n, t h u ng n l i. Ng i ng gi l i hàng tháng, ai c ng bi t ti ng. Tông t c quan liêu n i nhau tìm n. Con Cung Túc sai quân i b t c ng l i quay u theo v . H u t ng c thúc các quan khuyên m i v kinh d p yên cung c m. Thái s s t sùi t t “Ch quân s m v thành p, khéo giúp mình quân, chuy n lo n thành tr , tôn an xã t c, m ch t v n ch u n. M có t i v i Chúa th ng, thoát thân ch y tr n, ch ch t ch n núi r ng này ã là may, dám có lòng d khác. Ch quân ch gò ép”. M i ng i xôn xao, ba l n kh n thi t dâng th th ch t không i, c ép lên ng, dùng vai làm ki u a xu ng núi. G n xa mây t , hò reo vang tr i. V cách ô thành ba tr m d m, lão t ng Nguy n Ngô Lang b o con Cung Túc t tay vì t th nh n t i thoái v , mang ra nghênh t . Con Cung Túc ph c xu ng ch u t i. Thái s c ng quì xu ng t, ôm l y, khóc lóc ai oán, nói “Chúa th ng ph i n th này sao ? Th n b t h nh, không ng có ngày hôm nay”. H u t ng tu t ki m thét l n, nói “Tr i sai tr t i, t i nhân sao c l m l i? T ng v ng[13] l nào vì chút nhân c n con mà b i ngh a?”. Bèn quát quân t ng lôi con Cung Túc i, gi c H u t chu n b l r c Thái s lên ngôi vua, ph con Cung Túc làm Hôn c Công. Vua vào thành y t mi u, khóc mà cáo r ng “Ngày này th t ngoài ý mu n c a th n. Vì xã t c b n v ng, không th nào t ch i. L i o hi u trung, th n s trong lòng. Nguy n t b tôn vinh th a ph n nào chí c ”. Bèn h l nh không dùng v ng xa, qu n áo v t s n en, không dùng châu báu vàng son. Các th c n m c tiêu dùng ti t ki m nh tr c, su t i mang tang tr không thay i. Bèn d t lo n chính, noi theo n p c , th ng ph t công minh, dùng k hi n l ng. Th y

con mình b t tài khó ng i s , c m t n m cho em là H u t ng k v , cùng coi tri u chính, ó là Du V ng.

Tr c ó, Chiêm Thành th a lúc trong n c có vi c, n c p. Du V ng lên ngôi c ba n m, thân chinh ph t t i Chiêm Thành, thua to không v . V ng cho con Du V ng là Hi n k v . Ít lâu sau, nghe l i gian th n, làm vi c vô o, V ng lo xã t c nghiêng , than khóc mà ph i, g i là Linh c Công[14]. L y con út là Ngung k v , ó là Thu n V ng. c b y n m, vua cha m t. B y gi là n m Giáp Tu t, niên hi u H ng V th hai m i b y[15]. Táng núi Yên Sinh, th y là Ngh .

X a kia, Ngh V ng còn nh , tám chín tu i theo h u Minh V ng, trên gi ng có chi c chi u trúc, b o v nh th , ng kh u c r ng

Có ng i quân t cao l n

Trong thì r ng mà ngoài thì c ng

B t nó dùng làm ày t

S gây t n th ng nhân tính[16]

Minh V ng y làm l , v m ng r ng “Ch ng ra l i l , ng ghi chép l i”[17].

Bèn d n S phó không d y làm th n a. Ng i quân t nói “M nh tr i ã hi n, không ai c n n i”, sau qu nhiên th . Sau khi lên ngôi, [Ngh V ng] nh t h t con cái cháu ch t côi cút trong anh ch em a vào cung nuôi n ng, coi nh con .

Tông t c xa g n u yêu th ng ùm b c. Sau c n lo n l c, k nào nghèo kh không th c i xin c, thì l y v g ch ng cho h ; ng i nào ch a c chôn c t, thì chôn c t cho h ; c i u v t vĩnh chi ti t, không có gì là không thu nh t chép l i. Xóm gi ng hòa h p, m m nh ti t xuân. Ng i trong n c c c m hóa, phong t c d n d n tr nên thu n h u. Vua t này c ng có ng i t t n th

?

## Chú thích

Vì H Nguyên Tr ng tr c tác tác ph m này lúc làm quan Trung Qu c, nên ch g i mi u hi u các vua Vi t Nam b ng v ng t c, là t c c a Trung Qu c phong cho.

S sách Vi t Nam ghi r ng ông húy là Ph 暉

Th c ra x ng là Thái Th ng hoàng

ích t là con c a v ích (v c , th ng là Hoàng h u), còn th tr ng t là con v th (nh các phi t n).

Cung Túc V ng Tr n Nguyên D c (? – 1364), con trai c a Tr n Minh Tông và Hi n T Hoàng h u

S sách Vi t Nam ghi r ng ông húy là H o 睟

Tr n Nguyên Trác (1319 – 1370), con trai c a Tr n Minh Tông, làm Thái t , sau b D ng Nh t L gi t vì âm m u o chính

Nguyên v n :h i n ng v i ch n là con heo (l n), nên ây có th d ch là cá heo. Không nên l m sang h i i u ng t c cá h ng

S sách Vi t Nam chép tên là Nh t L 日禮

T c Tr n Du Tông

D ch ch du hi p, ch nh ng ng i hi p khách i l i ó ây th i x a. Nhà nho th ng bài bác h

S ki n x y ra vào ngày 20 tháng 9 âm l ch n m 1370, Thái t Nguyên Trác cùng con là Nguyên Ti t, hai ng i con c a công chúa Thiên Ninh cùng ng i tôn th t, t t c 18 ng i, ng m m u ám sát Nh t L . Chuy n b b i l , c ám u ch t

Ch Ngh Tông

N m X ng Phù th m i hai i Tr n Ph (1388), vua cùng Thái úy Tr n Ng c ng m m u gi t H Quý Ly và phe cánh, vi c b i l , Quý Ly xui Ngh Tông

ph vua r i gi t i, cùng gi t phe cánh c a vua.

1394

Chi u chúc trong Hán t là trúc nô 竹奴. Ý nói trúc là gi ng cây quân t , trong lòng r ng mà ngoài thì c ng cáp, l y nó làm chi u trúc thì s r ng s gâyt n th ng t tr ng. Bài th khuyên vua ph i bi t dùng ng i, không nên làm nh c k s

Theo phép chép s ngày x a, tri u ình t s quan, dùng ghi l i vi c làm và hành ng c a vua c ng nh tri u ình, qu c gia, biên chép thành th c l c làm c n c so n qu c s . ây Minh Tông ra l nh cho s quan ng ghi l i bài th này v y

Trúc Lâm th t ch

竹林示寂

Trúc Lâm th t ch

陳氏第三代王曰仁王，既傳位世子，乃出家脩行，刻苦精進，慧解超脫，為一方祖師。庵居安子山紫霄峰，自號竹林大士。其姊號曰天瑞，多失婦道，大士在紫霄聞姊病亟，乃下山往視，謂天瑞曰：姊若時至，自去見冥間，問事則應曰：願少待，我弟竹林大士且至。言訖，還山數日，至庵，分付弟子後事，奄然坐化。天瑞亦以是日卒。

Tr n th tam i vi t Nhân V ng, ký truy n v Th t , nãi xu t gia tu hành, kh c kh tinh ti n, tu gi i siêu thoát, vi nh t ph ng t s . Am c Yên T s n T Tiêu phong, t hi u Trúc Lâm i s . K t hi u vi t Thiên Th y a th t ph o.

i s t i T Tiêu, v n t b nh c c, nãi h s n vãng th , v Thiên Th y vi t “T nh c th i chí, t kh , ki n Minh gian v n s t c ng vi t : Nguy n thi u ãi, ngã

Trúc Lâm i s th chí”. Ngôn b t hoàn s n. S nh t chí am, phân phó t h u s , y m nhiên t a hóa. Thiên Th y di c d th nh t t t.

D ch ngh a

Chuy n Trúc Lâm i s viên t ch

Vua th ba c a h Tr n là Nhân V ng, sau khi truy n ngôi cho Th t , bèn xu t gia tu hành, kh c kh tinh t n, tu gi i siêu thoát, là t s m t ph ng. Làm am s ng ng n T Tiêu núi Yên T , t hi u là Trúc Lâm i s . Ch ngài hi u là Thiên Th y[1], nhi u i u trái o àn bà. i s T Tiêu, nghe tin ch h p h i, bèn xu ng núi l i th m, nói v i Thiên Th y “N u ch n lúc r i thì c i, th y Minh gian[2] h i chuy n thì tr l i là : Xin i m t chút, em ta là Trúc Lâm i s s n sau”. Nói xong v núi. i m y ngày n am, d n dò h u s , b ng nhiên ng i hóa. Thiên Th y c ng ngày hôm ó ch t.

Chú thích

Công chúa Thiên Th y (? – 1308), con gái c a Tr n Thánh Tông, l y ch ng là H ng V V ng Tr n Qu c Nghi n, con trai H ng o i V ng, nh ng l i thông dâm v i Nhân Hu V ng Tr n Khánh D . Có l vì v y mà H Nguyên Tr ng chê bà là trái o àn bà. Ch t cùng ngày v i Tr n Nhân Tông

Âm ph còn c g i là Minh ti, Minh gian

T linh nh m nh

祖靈定命

T linh nh m nh

仁王示寂時，其子英王未有嫡嗣，止有庶子意，且待嫡子而後定嗣位。至荼毘後，封骨時，子孫環拜，舍利飛入庶孫袖裏而放光，既收，又入。英王拜曰：敢不奉命？收之，乃定。尋以庶子為世子。既久，嫡母生男，不育，庶

子終嗣王位，是為明王。

Nhân Vương thối chí, kế đó Anh Vương vu ích t, ch h u th t , ý th ãi ích t nhi h u nh t v . Chí trà t h u phong c t th i, t tôn hoàn bá, xá l phi nh p th tôn t lý, nhi phóng quang, ký thu h u nh p. Anh Vương bá vi t “C nh b t ph ng m nh”. Thu chi, nãi nh. T m d th t vi Th t . Ký c u, ích m u sinh nam, b t d c, th t chung t v ng v , th vi Minh Vương.

D ch ngh a

Linh h n ng i ông nh ngôi v cho cháu

Lúc Nhân Vương viên t chí, con là Anh Vương ch a có con ích kế t , ch có con th , có ý chí sau khi sinh con ích s quy t nh ng i n i ngôi. n sau khi h a táng, lúc b c c t, t tôn chung quanh bá l y, xá l bay vào ng tay áo c a ng i cháu th , phát ra hào quang, l y ra l i bay vào. Anh Vương vái r ng “ ầu dám không ph ng m nh”. L y ra, bèn yên. L y con th làm Th t . V sau, ích m u sinh con trai, không nuôi c, cu i cùng ng i con th n i ngôi vua, ó là Minh Vương.

德必有位

c t t h u v

明王既嗣王位，久之，嫡母生男。至週粹時，英王巡邊在外，家事先決於嗣王。有司以周粹禮請，乃命以世子例行之。有司以王故，難之。王曰：何疑乎？初以嫡嗣未生故，我權在此位。今既生矣，待長，復闢何難？曰：此事前古多危，請慎思之。王曰：順義行之，安危何足慮也！卒以世子例行之。暮年而嫡嗣歿，王甚哀之，君子謂：明王誠心不顧於安危，讓德克光於今古，

傳曰有德者，必有其位，其斯之謂歟。

Minh Vương ký tể vãng v, c u chi, ích m u sinh nam. Chí chu t i th i, Anh Vương tu n biên t i ngo i, gia s tiên quy t vu t v ng. H u t d chu t i l th nh, nãi m nh d Th t l hành chi. H u t d v ng c nan chi, v ng vi t “Hà nghi h ? S d ích t v sinh, c ngã quy n t i th v ; kim ký sinh h , ãi tr ng ph c tích, hà nan ?”. Vi t “Th s , ti n c a nguy, th nh th n t chi” Vương vi t “Thu n ngh a hành chi, an nguy hà túc l dã”. T t d Th t l hành chi. C niên nhi ích t m t, v ng th m ai chi. Quân t v Minh Vương thành tâm, b t c an nguy, nh ng c kh c quang vu kim c . Truy n vi t “H u c gi t th u k v”, k t chi v d ?

D ch ngh a

Khi Minh Vương c lên làm vua, ít lâu sau, ích m u sinh con trai. n ngày y tu i tôi, Anh Vương i tu n ngoài biên, vi c nhà u do t v ng quy t nh. H u t n th nh v l y tu i tôi, m nh r ng ti n hành theo l Th t [1]. H u t th y có v ng r i, khó x . Vương b o “Ng i cái gì ? Tr c ây ích t ch a sinh, nên ta t m ngôi này ; nay ã sinh r i, n khi l n lên thì trao l i ngôi vua, khó gì ?”. Ng i kia nói “Vi c này, tr c ây th ng sinh nhi u chuy n nguy hi m, xin ngh cho k ”. Vương nói “C thu n ngh a mà làm, h i âu lo an nguy”. R t cu c, dùng l Th t mà c hành. c m t n m ích t m t, v ng th ng xót l m. Quân t cho r ng Minh Vương thành tâm, b t ch p an nguy, c nh ng nh n sáng soi kim c . Truy n [2] nói “Có c thì t t có a v”, ch chuy n này ch ng ?

Chú thích

T c làm l y tu i tôi theo nghi th c cho Th t , ng i s n i ngôi vua

T truy n

婦德貞明

### Ph c trình minh

陳睿王正妃黎氏，靈德之母也。初，睿王出師，不返，妃乃披剃為尼。會藝王以靈德嗣位，妃為之辭讓，不得，乃涕泣，謂親人曰：吾兒薄福，難堪大位，足以取禍爾。故主棄世，未亡人惟欲速死，不欲見世事，況兒子之將危乎。乃精脩苦行，朝夕經懺，以報主恩。不五六年，燃臂煉頂，無不備至，遂以入定示寂。後至靈德見廢，人皆服其藻鑑先知，且感事君之誠，貞婦之節，一歸佛氏，便造門庭，如此之深也，誰不哀傷而嘉獎乎。雖陳家先世妃嬪多有賢者，而此妃出於其後，又欲過之，何其偉歟。

Tr n Du V ng Chính phi Lê th , Linh c chi m u dã. S , Du V ng xu t s b t ph n, Phi nãi phi th vi ni. H i Ngh V ng d Linh c t v, Phi v chi t nh ng, b t c, nãi th kh p v thân nhân vi t “Ngô nhi b c phúc, nan kham i v , túc d th h a nh . C ch khi th , v vong nhân duy d c t c t , b t d c ki n th s , hu ng nhi t chi t ng nguy h ?”. Nãi tinh tu kh h nh, triều t ch kinh sám d báo chúa ân, b t ng l c niên nhiên tí luy n nh vô b t b chí, to i d nh p nh th t ch. H u chí Linh c ki n ph , nhân giai ph c k t o giám tiên tri. C c m s quân chi thành, trình ph chi ti t, nh t quy Ph t th ti n tháo môn ình nh th chi thâm dã, thù y b t ai th ng nhi gia t ng h ? Tuy Tr n gia tiên th phi t n a h u hi n gi , nhi th phi xu t vu k h u h u d c quá chi, hà k v d ?

D ch ngh a

c kiên trình và sáng su t c a ng i àn bà

Chính phi c a Tr n Du V ng, h Lê, là m c a Linh c Công. Tr c kia, Du V ng xu t quân không v , Phi bèn g t tóc làm ni. G p lúc Ngh V ng l y Linh

c n i ngôi, Phi ã c t ch i, không c, m i khóc lóc nói v i ng i thân r ng  
“Con ta phúc b c, khó ng ngôi to, ch m c tai v thôi. C chúa lìa i, k vong  
nhân ch mu n ch t cho chóng, không mu n th y vi c i, hu ng gì là th y con  
mình s p nguy kh n ?”. R i d c chí tu hành, s m chi u t ng ni m báo n  
chúa, ch a y n m sáu n m mà chân tay t trán làm m i phép, r i viên t ch  
trong khi nh p nh. V sau Linh c b ph , ai c ng ph c là ng i sáng su t th y  
tr c s vi c. Và l i, c m s chân thành th vua, c ng nh ti t tháo kiên trinh, v a  
nh p c a Ph t thì i giác ng n sâu th m, ai mà ch ng th ng xót ng i khen ?  
Tuy phi t n i tr c c a nhà Tr n c ng có l m ng i hi n, nh ng ng i Phi này  
sinh sau l i g n h n h n, sao mà v i th ?

聞喪氣絕

V n tang khí tuy t

陳太王女，號曰韶陽。方坐蓐時，王已旬月不豫，數遣人起居，左右給曰：  
王已平復無事。至棄世日，忽聞鍾聲連響，曰：得非不諱事耶？左右給之，  
不聽，乃慟哭長號，氣絕瞑目而逝。

Tr n Thái V ng n hi u vi t Thi u D ng. Ph ng t a th c th i, V ng d tu n  
nguy t b t d . Sác khi u nhân kh i c , t h u ãi vi t “V ng d binh ph c vô s ”.  
Chí khí th nh t, h t v n chung thanh liên h ng, vi t “ c phi b t húy s da ?”  
T h u ãi chi, b t thính, nãi ng kh c tr ng hào, khí tuy t, minh m c nhi th .  
D ch ngh a

Nghe tang t t th

Con gái Tr n Thái V ng hi u là Thi u D ng[1]. Khi ang c , v ng không  
kh e ã m t thág. Nhi u l n sai ng i n th m h i nh ng t h u nói d i r ng  
“Vua ã binh ph c vô s ”. n ngày lìa i, b ng nghe ti ng chuông ánh liên h i,

nói “Có phải vì các ông làm chính sự?”. Thì họ nói dối, không nghe, cứ khóc lóc kêu gào, t t th , m t m i mà m t.

文貞鯁直

V n Trinh ng nh tr c

朱安，號樵隱，交趾上福人也。性廉直剛介，居家，篤好讀書，學業精醇，名聞遠近，弟子盈門，相繼躡青雲，登政府者往往有之。安恬澹寡欲，不赴應舉。至元 間，陳氏明王徵拜國子司業，授世子經，尋遷太學祭酒。明王歿，其子裕王逸豫，怠于聽政，權臣稍多不法。安數諫，不聽；又上疏乞斬姦臣七人，皆權幸者，時人號為 七斬疏，既入，不報。安乃掛冠，歸田里。後裕王歿，國頗亂，羣臣迎立藝王。安聞之，大喜，杖策上謁，旋乞還鄉，以老病辭，不受封拜，乃賜號文貞先生，厚禮送回。久之，壽終于家。都城人士景仰高風，莫不嗟悼。

Chu An hi u Ti u n, Giao ch Th ng Phúc nhân dã. Tính liêm tr c c ng gi i. C gia c hi u c th , h c nghi p tinh thu n, danh v n vi n c n. t doanh môn, t ng k nhi p thanh vân, ng chính ph gi , vãng vãng h u chi. An i m m qu d c, b t phó ng c . Chí Nguyên gian, Tr n Th Minh V ng tr ng báí Qu c t T nghi p, th Th t kinh, t m thiên Thái h c T t u. Minh V ng m t, k t D V ng d t d , ãi vu thính chính, quy n th n s o a b t pháp, An sách gián b t thính, h u th ng s kh t tr m gian th n th t nhân, giai quy n gi , th i nhân hi u vi Th t tr m s . Ký nh p b t bao, An nãi qu i quan quy i n lý. H u D V ng m t, qu c ph lo n. Qu n th n nghênh l p Ngh V ng, An v n chi i h , tr ng sách th ng y t, toàn kh t hoàn h ng, d lão b nh t , b t th phong báí.

Nãi t hi u V n Trinh tiên sinh, h u l t ng h i. C u chi, th chung vu gia. ô thành nhân s c nh ng ng cao phong, m c b t ta i u.

昔安弟子為執政者，時來問候，拜床下，得與談話片言而去者，甚以為喜。有不善者，切責唾罵，甚至呵叱不納。其清直嚴正，名聞一時，凜然可畏。吁。其善哉。

Tích An t vi ch p chính gi , th i lai v n h u, bái sàng h , c d àm tho i phi n ngôn nhi kh gi th m d vi h , h u b t thi n gi , thi t trách thóa m , th m chí a s t b t n p. K thanh nghi nghiêm chính danh v n nh t th i, l m nhiên kh úy. Hu k thi n tai

D ch ngh a

V n Trinh c ng c i, ngay th ng

Chu An, hi u Ti u n, ng i Th ng Phúc[1] t Giao Ch . Tíh ông liêm khi t c ng tr c. nhà th ng thích c sách, h c v n tinh thu n, ti ng v ng xa g n. H c trò y c a, g p c h i thanh vân[2], vào trong chính ph , th ng th ng v n có. An i m m, ít ham mu n, không i thi. Kho ng n m Chí Nguyên, Tr n Minh V ng bái m i làm Qu c t T nghi p, d y Th t h c, chuy n làm T t u Thái h c. Minh V ng m t, con là D V ng ch i b i, b nghe chính s , quy n th n làm nhi u i u trái phép, An nhi u l n can ng n không nghe, l i dâng s xin chém b y tên gian th n u h ng quy n th , ng i ng th i g i là Th t tr m s . Dâng lên không tr l i, An treo m t quan, v v i v n ru ng. Sau D V ng m t, n c có lo n. Qu n th n ón l p Ngh V ng. An nghe r t m ng, ch ng g y y t ki n, r i l i v làng, già m t ch i, không nh n ch c t c. Ban cho hi u V n Trinh tiên sinh, h u l ti n a. Ch ng bao lâu, An m t nhà. Nhân s ô thành c nh ng ng cao phong[3], không ai là không th than th ng ti c.

Trước, học trò An có người ra chấp chính, thì ông nếm thử vị ngọt, lý do gì? Ông, học trò chuyên hỏi câu thì ra vì lý làm mất lòng. Ai là người bắt thi này, bắt qu trách thối m, thì m chí quát không cho vào. Thanh cao, nghiêm chính nên thì ông m t thì, lý m li t n thì. Ôi! Thi này làm sao!

### Chú thích

Châu Thành Phúc ở Trun, ở Lê là huyện Thành Phúc trấn Sơn Nam, nay bao gồm nhiều huyện thuộc phía Nam Hà Nội. Làng Thanh Liệt quê Chu Văn An cũng nằm trong đất châu này

Chức sắc, có công danh

Ông ông m phong thái

醫善用心

### Ý thì n d ng tâm

澄先人之外祖曰范公，諱彬家，世業醫，事陳英王，為判太醫令。常竭家資，以蓄良藥，積米穀，人有孤苦疾病者，寓之于家，以給饘粥救療，雖膿血淋漓，不少嫌避如此。來者待健而去，床不絕人。忽連年饑饉，疫癘大作，乃築房屋，宿困窮、饑者、病者，活千餘人，名重當世。

Trên tiên nhân chi ngoi t vi t Ph m công, húy Bân, gia th nghi p y, s Tr n Anh V ng, vi phán Thái y l nh, th ng ki t gia t d súc l ng d c, tích m c c. Nhân h u cô kh t t b nh gi , ng chi gia d c p chiên chúc c u li u, tuy nùng huy t lâm lý, b t thi u hi m t. Nh th , lai gi ãi ki n nhi kh , sàng b t tuy t nhân. H t liên niên c c n, d ch l i tác, nãi trúc phòng c, túc kh n cùng, c gi b nh gi ho t thiên d nhân, danh tr ng ng th .

後嘗有人扣門，急請曰：家有婦人，卒暴血崩如注，面色稍青。公聞之，遽

往，出門，而王使人至，曰：宮中貴人有發寒熱者，召公看之。曰：此病不急，今人家命在頃刻，我且救彼，不久便來。中使怒曰：人臣之禮，安得如此！君欲救他命，不救爾命耶？公曰：我固有罪，亦無奈何。人若不救，死在頃刻，無所望也。小臣之命，望在主上，幸得免死，餘罪甘當。遂去，救治其人，果活。少頃，來見，王責之，免冠謝罪，敷析真心。王喜曰：汝真良醫，既有善藝，又有仁心，以卹我赤子誠，副予望也。

H u, th ng h u nhân kh u môn c p th nh vi t “Gia h u ph nhân th t b o, huy t b ng nh chú, di n s c s o thanh”. Công v n chi, c vãng. Xu t môn nhi v ng s nhân chí vi t “Cung trung quý nhân h u phát hàn nhi t gi , tri u công khán chi”. Vi t “Th b nh b t c p. Kim nhân gia m nh t i kho nh kh c, ngã th c u b , b t c u ti n lai”. Trung s n vi t “Nhân th n chi l ,an c nh th ? Quân d c c u tha m nh, b t c u nh m nh da?” Công vi t “Ngã c h u t i, di c vô n i hà, nhân nh c b t c u, t t i kho nh kh c, vô s v ng dã. Ti u th n chi m nh, v ng t i chúa th ng, h nh c mi n t , d t i cam ng”. To i kh c u tr , k nhân qu ho t. Thi u kho nh, lai ki n. V ng trách chi. Mi n quan t t i, phu tích chân tâm. V ng h vi t “Nh chân l ng y, ký h u thi n ngh h u h u nhân tâm, d tu t ngã xích t , thành phó d v ng dã”.

後之子孫，為良醫官四五品者二三人，世皆稱譽其不墜家業也。

H u chi t tôn vi l ng y quan t ng ph m gi nh tam nhân, th giai x ng d k b t tr y gia nghi p dã.

D ch ngh a

Th y thu c gi i c t t m lòng

Ông t bên ngo i c a Tr ng[1] là Ph m công, húy Bân, gia nghi p ngh y, th Tr n Anh V ng, ch c Thái y l nh, th ng h t ti n c a tích thu c t t, tr lúa g o. Ng i nào b cô kh b nh t t, c cho nhà mình, c p c m cháo c u ch a, tuy máu m d m d , không chút ghê t m. C th , k n ch kh e m nh r i i, trên gi ng không lúc nào v ng ng i. B ng m y n m li n ói kém, b nh d ch lan tràn, bèn d ng nhà c a, cho k kh n cùng , c u k ói ng i b nh h n nghìn ng i, ng th i tr ng v ng.

Sau, có ng i gõ c a m i g p nói “Nhà có ng i v b ngb máu ra nh x i, m t mảy nh t nh t”. C nghe xong, i ngay. Ra c a, g p ng i do vua sai t i nói “Trong cung, quý nhân lên c n s t rét, tri u ông vào xem”. áp “B nh y không v i. Nay có ng i tính m nh ch còn ch c lát, tôi i c u ã, ch c n a vào ngay”. Trung s gi n nói “L k b tôi, sao c nh v y ? Ông mu n c u tính m nh ng i, không c u tính m nh mình ?” áp “Tôi th t có t i, ch ng bi t làm th nào, nh ng không c u ng i ta, ch t trong ch c lát, trông mong vào âu. Tính m nh ti u th n trông vào Chúa th ng, may ra kh i ch t, còn xin ch u t i”. R i i c u ch a, qu nhiên kh e l i. Li n ó, vào cung. V ng qu trách. C b m t t i, giải bày th c tâm. V ng m ng nói “Ng i th t là l ng y, ã gi i tay ngh l i có nhân tâm, c u con c a ta, x ng áng lòng ta mong m i”

Sau con cháu c là l ng y, làm quan t ng ph m có n hai ba ng i, ng i i ai c ng khen là không m t nghi p nhà.

### Chú thích

M c a H Nguyên Tr ng h Ph m. ây là truy n nói v t tiên c a bà

勇力神異

D ng l c th n d

安南李氏時，清化人黎奉曉生而魁偉異常，飲食視人十倍，年十二三，身長七尺。適有外寇侵境，虜掠甚衆，隣里倉皇罔措。奉曉語其父母：不可隨人奔忙，但多作飯，與兒子飽吃一頓，今日殺賊救民，易如反掌。

An Nam Lý th th i, Thanh Hóa nhân Lê Ph ng Hi u sinh nhi khô i v d th ng, m th c th nhân th p b i. Niên th p nh tam, thân tr ng th t xích. Thích h u ngo i kh u xâm c nh, l l c th m chúng, lân lý th ng hoàng võng th . Ph ng Hi u ng k ph m u b t kh tùy nhân bôn mang, ãn a tác ph n d nhi t bảo khi t nh t n, kim nh t sát t c c u dân d nh ph n ch ng.

飯畢，持一短刀，俗呼為斫刀者，伐木為兵，直衝賊陣，縱擊潰走，盡獲隣邑被虜者千餘人而還。李氏賞賜除授，固辭不受，乞賜田地以自耕食耳。有司議定頃畝，奉曉曰：臣以斫刀破賊，願擲斫刀，所至為界。許之，擲至十餘里，悉以與之。後人因此凡賞功田，名之曰斫刀田。

Ph n t t, trì nh t o n ao t c hô vi ch c ao gi , ph t m c vi bình, tr c xung t c tr n, tung kích h i t u, t n ho ch lân p b l gi thiên d nhân nhi hoàn. Lý th th ng t tr th , c t b t th , kh tt i n a d t canh th c nh . H u t ngh nh kho nh m u, Ph ng Hi u vi t “Th n d ch c ao phá t c, nguy n tr nh ch c ao, s chí vi gi i”. H a chi. Tr nh chí th p d lý, t t d th ng chi. H u nhân nhân th , phàm th ng công i n, danh chi vi t ch c ao i n.

使領軍，辭以不能，願居田里，待用兵時，請為先鋒，破陣報國而已。後十餘年，召為先鋒，以十餘人擊數萬餘賊衆，封威遠將軍，仍在田里，壽終于家。

S l nh quân, t d b t n ng, nguy n c i n lý, ãi d ng binh th i, th nh vi tiên

phong, phá tr n báo qu c nhi d . H u th p d niên tri u vi tiên phong, d th p d nhân kích tán v n d t c chúng, phong Uy Vi n T ng quân, nh ng t i i n lý, th chung vu gia.

D ch ngh a

S c kh e d ng mãnh th n d

N c An Nam th i h Lý, có ng i Thanh Hóa là Lê Ph ng Hi u, sinh ra khôi ngô kì v l th ng, n u ng thì g p m i l n k khác. M i hai m i ba tu i, thân hình cao b y xích. Ch t có gi c ngoài n, c p bóc r t nhi u, xóm làng ho ng h t không bi t làm sao. Ph ng Hi u nói v i cha m không theo ng i tr n ch y, ch n u th t nhi u c m cho con n m t b a no nê, vi c gi t gi c c u dân hôm nay d nh tr bàn tay. n c m xong, c m m t con dao ng n t c g i là dao r a, ch t cây làm khí gi i, xông th ng vào tr n gi c, ánh d c khi n gi c v ch y, h n nghìn ng i trong p b gi c b t u c v . Nhà Lý ban th ng phong t c, u c t không nh n, ch xin c p ru ng t t cây làm n thôi. Khi bàn nh s kho nh m u, Ph ng Hi u nói “Th n dùng dao r a phá gi c, xin ném dao r a, xa t i âu l y t i ó”. Thu n cho. Ném xa h n m i d m, l y ó th ng cho. Ng i sau nhân y, phạm th ng ru ng công, u g ilà “ch c ao i n”. Sai c m quân, l y c b t tài t ch i, nguy n s ng n i ru ng v n, có lúc d ng binh, xin làm tiên phong, phá tr n n n n c mà thôi. H n m i n m sau c tri u làm tiên phong, em theo h n m i ng i ánh tan h n v n quân gi c, phong Uy Vi n T ng quân, v n s ng thôn quê, th ch t t i nhà.

夫妻死節 Phu thê t ti t

永樂丁亥，大軍平交趾日，頭目吳勉赴水死，其妻阮氏仰天嘆曰：吾夫事主，一生受祿，由中官至登政府。今而死節，是得所也，又何怨乎！妾若苟活，

豈無所之？但夫道君恩，一時辜負，吾不忍也，寧相隨爾。言訖，亦赴水死。

V nh L c inh H i, i quân bình Giao Ch nh t, u m c Ngô Mi n phó th y t ; k thê Nguy n Th ng ng thiên thán vi t “Ngô phu s chúa, nh t sinh th l c, do Trung quan chí ng chính ph , kim nhi t ti t, th c s đã, h u hà oán h ! Thi p nh c c u ho t, kh i vô s chi? ãn phu o quân ân nh t th i cô ph , ngô b t nh n đã. Ninh t ng tùy nh ”. Ngôn h t, di c phó th y t .

嗟夫！死節者，士大夫之所當然，猶或難之，宦官如此，古所罕聞。吳勉其丈夫乎！至于阮氏，以婦人臨危，能識大節，知夫得所而無憾，又能重義輕生，視死如歸，可謂賢婦也歟！世之愚婦，以忿投水者多矣。至于以義亡身，甚不易得也。如阮氏者，誠可嘉哉！

Ta phù ! T ti t gi , s i phu chi s ng nhiên, do ho c nan chi. Quan quan nh th , c s hãn v n. Ngô Mi n k tr ng phu h ? Chí Nguy n Th đ ph nhân lâm nguy n ng th c i ti t, tri phu c s nhi vô hám, h u n ng tr ng ngh a khinh sinh, th t nh quy, kh v hi n ph đã d ! Th chi ngu ph đ ph n u th y gi a h . Chí đ ngh a vong thân th m b t đ c đã ! Nh Nguy n Th gi , thành gi gia tai !

D ch ngh a[s a]

V ch ng t ti t

N m inh H i niên hi u V nh L c[1], ngày i quân bình nh t Giao Ch , u m c Ngô Mi n nh y xu ng n c ch t, v là Nguy n Th ng a m t lên tr i than “Ch ng ta th chúa, m t i n l c, t Trung quan c lên Chính ph , nay ã t ti t, là ch t áng ch , còn oán h n gì ? N u thi p mu n s ng, há h t ch n sao? Nh ng o ch ng n vua nh t th i ph b c, ta n lòng nào. Thà ch t theo v y”. Nói o n, c ng nh y xu ng n c ch t.

Than ôi ! T ti t là l ng nhiên c a s i phu, th mà còn l y làm khó. Ng i  
nào nh v y, thì c ng ít nghe. Ngô Mi n là tr ng phu ch ng ? n nh Nguy n  
Th là àn bà mà lâm nguy v n th y ti t l n, bi t ch ng ch t áng ch không ân  
h n, l i còn tr ng ngh a khinh s ng, coi ch t nh v , có th g i là b c hi n ph v y.  
i lo i àn bà ngu d i, b c t c mà nh y xu ng n c nhi u l m. n nh vì  
ngh a b mình, thì không m y có ! Ng i nh Nguy n Th th t áng ca ng i thay !

### Chú thích

1407

僧道神通 T ng o th n thông

李氏時，嘗有妖物，晝夜隱形，啼叫于殿梁上，連日不止。時第二代王，召  
僧覺海、道士通玄同來厭勝。覺海以數珠擊柱，其聲應手而止。通玄以令牌  
擊柱，忽見大手出梁上，將一蛤蚧擲地，其妖乃止。王占口曰

Lý Th th i, th ng h u yêu v t trú d n hình khi u i n l ng th ng, liên  
nh t b t ch . Th i nh i v ng, danh t ng Giác H i, o s Thông Huy n,

ng lai y m th ng. Giác H i d s châu kích c c, k thanh ng th nhi ch . Thông  
Huy n d l nh bài kích tr , h t ki n i th xu t l ng th ng, t ng nh t cấp gi i  
tr nh a, k yêu nãi ch . V ng chi m kh u vi t

覺海心如海

通玄道更玄

神通能變化

一佛一神仙。

Giác H i tâm nh h i

Thông Huyền ở cánh huyền

Thần thông năng biến hóa

Nhất Phất, nhất Thần tiên

Dịch nghĩa

Tên gọi thần thông

Thị h. Lý, tên có yêu quái ngày đêm nhìn kêu khóc trên rừng cung điện, ngày ngày không dứt. Khi đi vào rừng hai, danh tiếng Giác Hải, ở Thông Huyền cùng năm trăm. Giác Hải lấy tròng hất gõ vào óc, tiếng kêu khóc liền tay im bặt. Thông Huyền dùng lưỡi bài phép vào cột, bỗng thấy bàn tay to tướng lộ ra khỉ rừng, cảm con rắn máu và tẩu xuồng, yêu quái bèn hết. Về rừng khỉ nói

Giác Hải tâm như biển.

Thông Huyền ở càn huyền

Thần thông tài biến hóa

Một Phất, một Thần tiên.

‘奏章明驗

Tu chức minh nghi m

交趾太清宮道士，名道甚。元世祖至元間，為陳太王祈嗣，拜章畢，乃白王

曰：上帝既允奏章，即命昭文童子，降生王宮，住四紀。已而後宮有孕，果

生男，兩膊上有文曰昭文童子，字頗明顯，因以昭文為號。年長，其文始消。

Giao Chỉ Thái Thanh cung ở danh ở Th m, Nguyên Th T Chí Nguyên

gian và Trần Thái Vương kết. Bái ch ứng t t, nãi b ch v ứng vì t “Th ứng

ký đoán tu chức, t cảm nh Chiêu Văn ứng t giảng sinh v ứng cung, trú t

k”. D nghi h u cung h u dân, qu sinh nam, l ứng bác th ứng h u v n vì t

“Chiêu V n ng t ”, t ph minh hi n, nhân d Chiêu V n vi hi u. Niên tr ng, k v n th y tiêu.

至四十八歲，臥病月餘，諸子為之建醮，請減已壽以延父齡。道士拜章起曰：上帝覽章，笑曰：何乃戀俗，欲久留乎？然其子孝誠，可允再留一紀。病乃瘳，後果有十二年壽。

Chí t th p bát tu , ng a b nh nguy t d . Ch t v chi ki n ti u, th nh gi m k th d diên ph linh. o s báich ng, kh i vi t “Th ng lăm ch ng, ti u vi t : hà nãi luy n t c, d c c u l u h ? Nhiên k t hi u thành, kh đoãn tái l u nh t k ”. B nh nãi li u. H u qu h u th p nh niên th .

D ch ngh a

T u ch ng ng nghi m

Cung Thái Thanh x Giao Ch có ng i o s g i là o Th m, vào kho ng n m Chí Nguyên i Nguyên Th T làm l c ut cho Tr n Thái V ng. c s xong, o Th m b ch v i v ng r ng “Th ng ã nh n s tâu, s sai Chiêu V n ng t giáng sinh n i v ng cung, l i b n k [1]”. R i h u cung có mang, qu nhiên sinh con trai, trên hai cánh tay có ch Chiêu V n ng t , nét khá rõ ràng, nhân l y hi u là Chiêu V n. L n lên, nét ch m i m t i.

n n m b n m i tám tu i, b m h n tháng. Các con làm chay xin b t tu i th mình kéo thêm tu i cha. o s c s xong, ng d y nói “Th ng xem s , c i b o : Sao còn quy n luy n cõi t c, mu n l i lâu th ? Song các con th t hi u th o, có th cho thêm m t k ”. B nh li n kh i. Sau qu nhiên th thêm m i hai n m n a[2]

Chú thích

M i k là 12 n m

Trần Nhân Tông (1255 – 1330), con trai thứ sáu của Trần Thái Tông, có công trong kháng chiến chống Nguyên. Ông viết sách toàn thư chép rằng Trần Hưng Đạo chỉ có 12 nghìn quân không phải 100 nghìn, còn tu sĩ Trần Nhân Tông là 6 nghìn 5 trăm.

壓浪真人

### Áp lãng chân nhân

宋仁宗時，安南李王親率舟師伐占城，至神投海口，風浪連日，不得航海。

聞近山有道士獨居庵中，乃召請祈禱。道士曰：王自有福力，臣保萬一無憂。

明日發行，勿生疑慮。夜半風止，詰旦，行至海外，遠望風浪如山，舟師所

向寧靜，時復見此道士水上步行，或前或後，宛然明白，但人不可近爾。

Trần Nhân Tông thời, An Nam Lý vương thân suất chu sập Chiêm Thành. Chỉ

Thần u hi kh u phong lãng liên nh t b t c hàng hi. V n c n s n h u o s

c s c am trung, nãi tri u th nh k o. o s vi t “V ng t h u phúc l c,

th n b o v n nh t vô u. Minh nh t phát hành v t sinh nghi l !”D bán phong ch .

C t án hành chí h i ngo i, vi n v ng phong lãng nh s n, chu s s h ng ninh

t nh. Th i ph c ki n th o s th y th ng b hành, ho c t i n ho c h u, uy n

nhiên minh b ch, ãn nhân b t kh c n nh .

師還，至神投山，道士迎見，王喜謝，慰勞道士曰：臣知王福重，故無憂，

此神祐王爾，非臣也。問之鄉人，曰：道士自此採藥，久不在庵。王大異之，

封為壓浪真人，賞賜金帛，皆不受。後入山去，不知所之。

S hoàn chí Thần u s n, o s nghênh ki n. V ng h t úy l o. o s vi t

“Th n tri v ng phúc tr ng, c vô u, th th n h u v ng nh , phi th n dã”. V n

chi h ng nhân, vi t “ o s t th thái d c c u b t t i am”. V ng i d chi,

phong vi “Áp lãng chân nhân”. Th ng t kim b ch giai b t th . H u nh p s n

kh , b t tri s chi.

真人姓羅，亾名，人皆以壓浪呼之。弱冠，棄妻子入道，其後裔有羅脩者，舉進士，仕陳藝王，官至審刑院司而卒。余所親識也。

Chân nhân tính La, vong danh, nhân giai d “Áp lãng” hô chi. Nh c quan khí thê t nh p o. K h u du h u La Tu gi , c Ti n s , s Tr n Ngh V ng, quan chí th m hình vi n s nhi t t. D s thân th c đã.

D ch ngh a

Chân nhân è sóng

i T ng Nhân Tông[1], vua Lý n c An Nam t mang binh thuy n th o ph t Chiêm Thành. T i c a bi n Th n u[2], sóng gió ngày này sang ngày khác, không v t bi n c. Nghe núi g n y có o s , m t mình s ng trong am, bèn tri u m i c u o. o s nói “Vua t có phúc l c, th n cam oan muôn m t không có gì áng lo. Ngày mai lên ng ch sinh nghi ho c!”. N a êm d ng gió. Sáng s m ra t i ngoài bi n, xa trông sóng gió cao nh núi, nh ng chu s n âu yên t nh n ó. B y gi l i th y o s y b c i trên n c, lúc tr c lúc sau, trông r t rõ ràng, duy ng i không ng n c.

Ngày kh i hoàn v núi Th n u, o s ra ón. V ng m ng, úy l o t n. o s nói “Th n bi t v ng phúc tr ng, không áng lo, y là th n linh giúp, không ph i h th n”. H i ng i trong h ng, nói “ o s t y i hái thu c không am”. V ng l l m, phong làm “Chân nhân è sóng”. Ban th ng vàng l a, u không nh n. Sau vào núi r i i, không bi t i âu.

Chân nhân h La, sót tên, ng i ta dùng hi u “Áp Lãng chân nhân” g i. T thu tu i xanh b v con nh p o. H u du có La Tu thi Ti n s [3], làm quan

th i Tr n Ngh V ng, n ch c Th m hình vi n s , r i m t. Ng i này chính tôi quen bi t.

### Chú thích

1022 – 1063

Sau i là Th n Phù, là c a bi n quan tr ng trên con ng l u thông B c Nam c a Vi t Nam. H u nh các cu c hành quân Nam tì n c a Vi t Nam u i qua c a bi n này. V sau, c a bi n d n d n b b i l p, nay n m sâu trong t li n h n 30km, thu c a ph n giáp ranh gi huy n Yên Mô t nh Ninh Bình và huy n Nga S n t nh Thanh Hóa. ây v n còn n Áp lãng, th v chân nhân trong truy n này

La Tu khoa Ti n s n m 1374, làm Tri ph Thanh Hóa, sau th ng Th m hình vi n s

明空神異

### Minh Không th n d

交趾膠水鄉，有空路寺，昔有僧，俗姓阮，名明空，宋治平間，出家，住此寺，有德行，頗知名。一日，明空從外來，其同房僧戲隱門內，躍出，作虎聲以怖明空。明空笑曰汝脩行，反作虎耶？我當救汝。後年，僧沒。

Giao Ch Giao Th y h ng h u Không L t . Tích h u t ng t c tính Nguy n, danh Minh Không, T ng Tr Bình gian xu t gia trú th t , h u c h nh, ph tri danh. Nh t nh t Minh Không tòng ngo i lai, k ng phòng t ng hí n môn n i, d c xu t tác h thanh d b Minh Không. Minh Không ti u vi t” Nh tu hành ph n tác h da? Ngã ng c u nh !”. H u niên t ng m t.

尋國王李氏生世子，年幾弱冠，忽徧身生毛，踴躍咆哮，頭面漸變虎形。王

廣求醫巫僧道，皆無措手。聞明空有法術，遣人乘船請來。明空以小鍋炊飯，欲食水手，使者笑曰：水手人多，自有食，莫煩常住。明空曰：不然。衆皆少喫，見我厚意。四五十人各盛滿碗，飯亦不盡，人皆奇之。臨晚，上船，戒使者與水手：皆熟睡一覺，待月出，貧僧喚起，乃開船。不然，我且不去。使者懇請，不得，皆偃臥假寢，惟覺船下風聲冷然，移時月出，呼起其船，已在都下灣泊矣，經行三百餘里也，乃騰空入宮中。煮水以洗世子，應手毛退，體遂平復。王問故，對曰：脩行人一念迷著，懺洗而已，無難也。曰：師得何神通而能空行？曰：非也，臣宿有風疾，比發時，不見萬象，不知何者為空。乃信步耳，非神通也。乃空行回去，賜賚不受，王遂錫以神僧封號，因以空路名其寺云。世子後為王，謚曰神王。

T m Qu c v ng Lý Th sinh Th t , niên c nh c quan, h t bi n thân sinh mao, d ng d c bào hao, u di n ti m bi n h hình. V ng qu ng c u y vu t ng o giai vô th th . V n Minh Không h u pháp thu t, khi n nhân th a thuy n th nh lai. Minh Không d ti u oa xuy ph n, d c t th y th . S gi ti u vi t “Th y th nhân a t h u th c, m c phi n th ng trú”. Minh Không vi t “B t nhiên. Chúng giai thi u ng t, ki n ngã h u ý”. T ng th p nhân các th nh mãn uy n, ph n di c b t t n, nhân giai k chi. Lâm văn th ng thuy n, gi i s gi d th y th giai th c th y nh t giác “ ãi nguy t xu t, b n t ng hoán kh i, nãi khai thuy n, b t nhiên ngã th b t kh ”. S gi kh n th nh b t c, giai y n ng a gi m , duy giác thuy n h phong thanh lãnh nhiên. Di th i nguy t xu t, hô kh i, k thuy n d t i ô h loan b c h , kinh hành tam bách d lý dã. Nãi ng không nh p cung trung, ch th y d t y Th t , ng th mao thoái, th to i bình ph c. V ng v n c , i vi t

“Tu hành nhân nh t ni m mê tr c sám t y nhi d , vô nan dã”. Vi t “s c hà th n thông nhi n ng không hành?” Vi t “Phi dã. Th n túc h u phong t t, th t t ph t th i, b t ki n v n t ng, b t tri hà gi vi không, nãi tín b nh ; phi th n thông dã”. Nãi không hành h i kh . T l i b t th . V ng to i tích d Th n t ng phong hi u, nhân d Không L danh k t vân. Th t h u vi v ng, th y vi t Th n V ng. D ch ngh a

Minh Không th n d

H ng Giao Th y Giao Ch có chùa Không L . Ngày x a có m t v s h t c là Nguy n, tên là Minh Không, kho ng n m Tr Bình i T ng xu t gia n chùa này, có c h nh, ai c ng bi t. M t hôm Minh Không t ngoài v , có nhà s cùng phòng ừa núp trong c a, nh y ra làm ti ng h kêu d a Minh Không. Minh Không c i nói “ ã i tu, l i còn mu n làm h ? Ta ph i c u anh m i c !”. N m sau, nhà s kia ch t.

Ti p ó, Qu c v ng h Lý sinh Th t , tu i ch ng hai m i thì b ng nhiên kh p mình m c lông, nh y nhót g m thét, u và m t d n d n bi n thành hình h . Nhà vua c u y, vu, t ng, o kh p n i, nh ng u ch u bó tay. Nghe Minh Không có phép thu t, sai ng i i thuy n n m i v . Minh Không l y m t chi c niêu nh n u c m, nh cho th y th n. S gi c i nói “Th y th ng i ông, t h ã có cái n, không phi n t i th ng trú”. Minh Không nói “Không ph i nh v y âu. M i ng i c n m tít i r i s th y h u ý c a ta”. B n n m m i ng i m i ng i x i m t bát y, c m v n không h t, ai c ng l y làm l . n t i, khi lên thuy n, nhà s d n s gi và các th y th u nên ng k m t gi c “ i lúc tr ng m c, b n t ng g i d y hãy m thuy n, n u không, ta ch ng i n a âu”. S gi nài xin không c, m i ng i ành n m s p gi cách ng , duy c m th y bên d i thuy n có ti ng gió l nh. Phút ch c tr ng lên, g i d y, thì thuy n ã c p b n ô thành, v t h n ba tr m d m. Nhà s bèn nh y lên kho ng không mà vào trong

cung, n u n c r a cho Th t , tay c n âu lông h t n y, thân th li n bình ph c. Vua h i nguyên do, áp r ng “K tu hành h m c ni m mê thì sám h i mà r a i thôi, không khó kh n gì c ”. H i “S bi t phép th n thông gì mà có th i trên không c?” áp “Không ph i v y. Th n v n có phong t t, b nh này khi phát thì ch ng th y muôn c nh t ng, ch ng bi t âu là không, bèn c th mà b c thôi ; không ph i th n thông gì h t”. R i i trên không mà v . Ban th ng các th u không nh n. Vua phong cho hi u Th n t ng, và nhân ó, l y hai ch Không L t tên chùa c a s . Th t v sau lên làm vua, th y là Th n V ng.

入夢療病

Nh p m ng li u b nh

東山寺僧名灌園，戒行清白，慧解圓融，數十餘年，不下山。適陳英王患眼，月餘，醫藥不効，日夜疼痛，夢見一僧，以手摩眼，王問：僧自何來？其名為誰？曰：我灌園也，來救王眼。夢覺，眼痛便止，數日平復。

ông S n t t ng danh Quán Viên, gi i h nh thanh b ch, tu gi i viên dung, s th p d niên b th s n. Thích Tr n Anh V ng ho n nhân guy t d , y d c b t hi u, nh t d ông th ng. M ng ki n nh t t ng d th ma nhân. V ng v n t ng t hà lai, k danh vi thù. Vi t “Ngã Quán Viên dã, lai c u v ng nhân”. M ng giác, nhân th ng ti n ch , s nh t bình ph c.

訪于僧徒，果有灌園在東山者，命人請來，宛然夢中所見僧也。王大異之，封為國師，賞賜甚厚，盡將散施，不留一錢，破衲還山，若不經意。自後行脚，徧歷山川州縣聚落，凡有淫祀邪神為民害者，盡將訶斥，伐其廟壇，至

于猛烈。大神多有見形見夢，郊迎請命者，則為之授戒，減損血食，使保護生民，無敢犯者。後世人猶德之。

Phong vu t ng , qu h u Quán Viên t i ông S n gi . M nh nhân th nh lai, uy n nhiên m ng trung s ki n t ng dã. V ng i d chi, phong vi Qu c s , th ng t th m h u, t n t ng tán thi b t l u nh t ti n, phá n p hoàn s n, nh c b t kinh ý. T h u hành c c bi n l ch s n xuyên châu huy n t l c, phàm h u dâm t tà th n di dân h i gi , t n t ng ha xích, ph t k mi u àn. Chí m nh li t i th n a h u hi n hình ki n m ng giao nghênh th nh m nh gi , t c v chi th gi i, gi m t n huy t th c, s b o h sinh dân, vô c m ph m gi . H u th nhân do c chi.

D ch ngh a

Ch a b nh trong m ng

S chùa ông S n tên Quán Viên, gi i h nh thanh b ch, m t tu v n toàn, m y ch c n m không xu ng núi. Khi Tr n Anh V ng au m t ã h n tháng, ch a thu c không kh i, ngày êm chói nh c. M ng th y m t v s l y tay xoa m t. V ng h i s t âu t i, tên là gì. áp “Tôi Quán Viên ây, n c u m t v ng”. T nh m ng, m t li n h t au, vài ngày kh i h n.

Dò h i t ng , qu nhiên có Quán Viên ông S n. Sai ng i m i n, y h t v s ã th y trong m ng. V ng l y làm l , phong làm Qu c s , ban th ng r t h u, u em phân phát h t không l i m t ng nào, m c áo tràng vá mà v núi, d ng nh ch ng quan tâm. T y, i vân du kh p các n i s n xuyên, châu huy n, làng m c, h có mi u th tà th n, làm h i dân, qu trách u i i h t, ch t phá c mi u àn. Còn nh ng v i th n m nh và d , ph n nhi u hi n hi n hay báo m ng ra ón t ngoài th nh m nh, thì th gi i cho, gi m b t cúng t , b t ph i b o v dân, không ai dám xúc ph m. Ng i i sau v n còn nh n.

尼師德行

Ni s c h nh

清涼尼師，俗姓范氏，交趾世祿家女。出家，庵居清涼山，毀服苦行，戒律精勤，慧解通暢。常習禪定，面貌酷似羅漢，遠近僧俗，莫不敬仰，蔚為一國尼徒宗師，與諸大德齊名。洪武間，陳藝王賜號慧通大師，既老，移居望東山。

Thanh L ng ni s t c tính Ph m th , Giao Ch th l c gia n . Xu t gia, am c Thanh L ng s n. H y ph c kh h nh, gi i lu t tinh c n, tu gi i thông s ng, th ng t p thi n nh, di n m o kh c t La Hán, vi n c n t ng t c m c b t kính ng ng, u t vi nh t qu c ni tông s , d ch i c t danh. H ng V gian, Tr n Ngh V ng t hi u Tu Thông i s . Ký lão di c v ng ông S n.

一日，忽謂其徒曰：吾欲以此幻軀，施與虎狼一飽。乃入深山，兀坐，絕食三七日，虎狼日日環踞，莫敢近。其徒懇請，還庵，閉門入定，經一夏，乃集衆說法，因而奄然坐化，年八十餘。荼毗，有舍利甚多，官為建塔于本山焉。

Nh t nh th t v k vi t “Ngô d c d th huy n khu thí d h lang nh t bão”. Nãi nh p thâm s n ng t t a, tuy t th c tam th t nh t, h lang nh t hoàn c , m c c m c n. K kh n th nh hoàn am. B môn nh p nh kinh nh t h , nãi t p chúng thuy t pháp, nhân nhi yêm nhiên t a hóa, niên bát th p d . ù h u xá l th m a. Quan v ki n tháp vu b n s n yên.

先是，嘗囑弟子：吾去後，當分取吾骨留此間，磨洗人疾病。至收骨時，衆

議不忍，乃盡函封。經宿，忽得肘骨在函外桌上，衆皆異其靈驗。後凡有人以病來禱，弟子磨水，與之一洗，莫不立愈。其誓願弘深，乃至如此。

Tiên th , th ng chúc t “Ngô kh h u, ng phân ngô c t, l u th gian ma t y nhân t t b nh”. Chí thu c t th i, chúng ngh b t nh n, nãi t n hàm phong. Kinh túc, h t c ch u c t t i hàm ngo i trác th ng, chúng giai d k linh nghi m. H u phàm h u nhân d b nh lai o, t ma th y d chi nh t t y, n c b t ng d . K th nguy n ho ng thâm nãi chí nh th .

D ch ngh a

Ni s c h nh

V ni s Thanh L ng t c tính Ph m th , con gái nhà th gia Giao Ch . Xu t gia, tu am núi Thanh L ng. B y ph c kh h nh, gi gi i lu t tinh c n, c m t tu thông su t, th ng t p ng i thi n nh, di n m o h c hác nh La Hán, xa g n t ng ni ng i i không ai không ng ng m , tr thành tông s ni m t n c, danh ti ng ngang v i các i c. Kho ng n m H ng V , Tr n Ngh V ng ban hi u “Tu Thông i s ”.

Lúc già, d i v ông S n. M t hôm, s b ng b o v i t r ng “Ta mu n em t m thân v v n này thí cho h sói m t b a no”. Bèn vào núi sâu ng i thi n, tuy t th c hai m i m t hôm, h sói ngày ngày ng i quanh, không dám n g n.

c m i tr v am. óng c a nh p nh qua mùa hè, bèn t p chúng gi ng o, nhân ó b ng yên nhiên ng i mà hóa, tu i ngoài tám m i. Lúc h a táng có r t nhi u xá l . Quan cho xây tháp ngay trên núi y.

Tr c ó, t ng d n các t “Sau khi ta i, nên chia x ng ta, l u l i ây mài r a t t b nh ng i i. n lúc nh t x ng, m i ng i bàn không n , bèn t h t vào r i phong l i. Qua m t êm, b ng c chi c x ng cùi tay ngoài h p trên bàn,

m i n g i u n g c n h i e n v s l i n h n g h i m . S a u , p h à m c ó n g i m c b n h n c u , t m à i v i n c c h o r a , k h ô n g a i l à k h ô n g k h i b n h n g a y . S t h n g u y n c ó t h l n s â u n n h t h y .

感激徒行

C m k í c h h à n h

陳太王之孫名道載號文肅者，是仁王之從弟也。自少有才名，十四歲，乞入試場，遂登甲科，仁王深器重之，有意大用，不幸短命而亾故，未及為相也。

仁王出家，脩苦行，文肅自此徒行曰：主上行腳徧山川，我縱不能隨從，何忍棄車馬乎？卒世不易。

Tr n Th á i V n g c h i t ô n d a n h o T á i , h i u V n T ú c g i , t h N h â n V n g c h i t ò n g d ã . T t h i u h u t à i d a n h . T h p t t u k h t n h p t h í t r n g , t o i n g g i á p k h o a . N h â n V n g t h â m k h í t r n g c h i , h u ý i d n g , b t h n h o n m n h n h i v o n g , c v c p v i t n g d ã . N h â n V n g x u t g i a t u k h h n h . V n T ú c t t h h à n h , v i t “ C h í t h n g h à n h c c b i n s n x u y ê n , n g ã t ú n g b t n n g t ù y t ò n g , h à n h n t h a t r á c y ê n h ? ” t t t h b t d c h .

仁王一時入城，文肅來謁，命官廚以海味食之，笑語盡歡，王占口曰：「紅潤剝龜脚，黃香炙馬鞍，山僧持淨戒，同坐不同餐。」觀其君臣兄弟，相得如此，足感激也。

N h â n V n g n h t t h i n h p t h à n h , V n T ú c l a i y t . M n h c u n g t r ù d h i v t c h i , t i u n g t n h o a n . V n g c h i m k h u v i t

H n g n h u n b á c q u y c c ,

H o à n g h n g c h á m ã a n .

S n t ng tr i t nh gi i,

ng t a, b t ng xan.

Quan k quân th n huynh t ng c nh th , túc c m khích dã.

B n d ch

C m kích i b

Cháu c a Tr n Thái V ng tên o Tái, hi u là V n Túc, là em h c a Nhân V ng v y. T nh có tài danh. M i b n tu i xin vào tr ng thi, li n giáp khoa. Nhân V ng r t m c quý tr ng, có ý dùng vào ch c l n, không may ch t khi o n m nh, ch a k p làm T t ng. Nhân V ng xu t gia tu kh h nh. V n Túc t y i b , nói “Chí th ng i chân tr n kh p núi sông, ta ã không th i theo, lòng nào lên xe xu ng ng a?”. Su t i không i. Nhân V ng m t hôm vào thành, V n Túc n chào. Sai cung trù d n h i v cho n, c i nói r t vui. V ng ng kh u r ng

Quy c c bóc th m,

Mã yên n c vàng th m.

S n t ng gi trai gi i,

Cùng ng i, ch ng cùng n.

Hãy xem vua tôi anh em t ng c nh th , th t áng c m ng.

疊字詩格

i p t thi cách

陳家第二代王曰聖王，既傳位世子，晚年頗間，適嘗游天長故鄉，有詩云：

景清幽物亦清幽，

一十仙洲此一洲。

百部笙歌禽百舌，

千行奴僕橘千頭。

月無事照人無事，

水有秋涵天有秋。

四海已清塵已淨，

今年游勝舊年游。

Tr n gia nh i v ng vi t Thánh V ng, ký truy n v Th t , vãn niên ph

nhàn. Thích th ng du Thiên Tr ng c h ng, h u thi vân

C nh thanh u v t di c thanh u,

Nh t th p tiên châu th nh t châu.

Bách b sinh ca, c m bách thi t,

Thiên hàng nô b c, qu t thiên u.

Nguy t vô s chi u nhân vô s ,

Th y h u thu hàm thiên h u thu.

T h i d thanh, tr n d t nh,

Kim niên du th ng c u niên du.[1]

此詩作時，蓋經元軍兩度征伐之後，國中安樂，故結意如此。其命意清高，

疊字振響，非老于詩者，焉能道此？况自性清高，天然富貴，國君風味與人自

別矣。

Th thi tác thì, cái kinh Nguyên quân l ng chinh ph t chi h u, qu c trung an

l c, c k t ý nh th . K m nh ý thanh cao, i p t ch n h ng, phi lão thi gi ,

yên n ng o th ? Hu ng t tính thanh cao, thiên nhiên phú quý, qu c quân phong

v d nhân t bi t h .

Dịch nghĩa

Khi vua thì đi đi

Đến vua thì hai nhà Trần là Thánh Vũ, khi đã truy n ngôi cho Thận, nh ng  
n m cu i i r t nhàn. Nhân v ch i quê c Thiên Tr ng, có th r ng:

C nh thanh u, v t c ng thanh u,

M t ch c tiên châu, ây m t châu.

Tr m b sênh ca, chim tr m gi ng,

Nghìn hàng nô b c, qu t nghìn u.

Tr ng vô s chi u ng i vô s ,

N c có thu l ng tr i có thu.

B n bi n ã trong, b i ã l ng,

N m nay ch i th ng cu c n m x a.

Th này làm ra, ch c sau khi tr i qua hai l n chinh ph t c a quân Nguyên, trong  
n c yên vui, nên ý câu k t m i v y. Xem th này c u t thanh cao, i p t gây  
nhi u âm h ng, không ph i già d n v th , sao mà làm c ? Hu ng h t tính  
thanh cao, v n dòng phú quý, phong v qu c quân v i ng i th ng v n t khác  
bi t v y.

Chú thích

ây là thi ph m H nh Thiên Tr ng hành cung c a vua Trần Thánh Tông

詩意清新

Thi ý thanh tân

竹林大士《詠梅詩》云

五出圓葩金撚鬚，

珊瑚沉影海鱗浮。

箇三冬白枝前面，

此一瓣香春上頭。

甘露歌凝癡蝶醒，

夜光如水渴禽愁。

嫦娥若識花佳處，

桂冷蟾寒只麼休。

其清新雄健，迥出人表，千乘之君，趣興如此，誰謂人竊詩乃工乎？

Trúc Lâm i s “V nh mai thi” vân

Ng xu t viên ba kim ni n tu,

San hô tr m nh h i tân phù.

Cá tam ông b ch chi ti n di n,

Th nh t bi n h ng xuân th ng u.

Cam l d c ng ng si i p t nh,

D quang nh th y khát c m s u.

H ng Nga nh c th c hoa giai x ,

Qu lãnh thi m hàm ch ma h u.

K thanh tân hùng ki n quýnh xu t nhân bi u. Thiên th ng chi quân thú h ng nh

th , thùy v nhân cùng thi nãi công h ?

又《山房漫興》二絕句云

誰縛更將求解脫

不凡何必覓神仙。

猿閒馬倦人應老，

依舊雲莊一榻禪。

是非言逐朝花落，

名利心隨夜雨寒。

花盡雨晴山寂寂，

一聲啼鳥又春殘。

其瀟灑出塵，長空一色，騷情清楚，逸足超羣，有《大香海印集》，頗多絕

唱，惜其地遭兵火，不得流傳。余只記誦一二而已。吁可惜哉

H u “S n phòng m n h ng” nh tuy t cú vân

Thùy ph c cánh t ng c u gi i thoát,

B t phàm hà t t m nh th n tiên.

Viên nhàn mã quy n nhân ng lão,

Y c u vân trang nh t tháp thi n.

Th phi ni m tr c triêu hoa l c,

Danh l i tâm tùy d v hàn.

Hoa t n v tình s n t ch t nh,

Nh t thanh i u h u xuân tàn.

K tiêu sái xu t tr n, tr ng không nh t s c, tao tình thanh s , d t túc siêu qu n.

H u i h ng h i n t p ph a tuy t x ng, tích k a tao binh h a, b t c l u

truy n, d ch ký t ng nh t nh nhi d . Hu kh tích tai!

D ch ngh a

Ý th t i m i

Trúc Lâm i s [1] có th “V nh mai” r ng

N m cánh tròn xòe vu t chòm râu vàng,  
Bóng san hô chìm, v y cá b n i.  
Ba tháng ông, tr ng mu t phía tr c m t,  
M t cành ây th m ngát lúc u xuân.  
Cam l s p ng ng, chi c b m si choàng t nh,  
Ánh tr ng êm nh n c, con chim khát ch nh bu n.  
H ng Nga mà hi u cái p c a hoa.  
Bóng qu l nh, v ng thi m trong xanh, c ng b mà ngh ng i  
Cái t i m i ch c kh e v t xa khuôn kh ng i th ng. V vua nghìn xe h ng  
c m nh v y, ai b o ng i cùng kh thì th hay ? L i có hai bài tuy t cú “S n  
phòng m n h ng”, r ng  
Nào ai trói bu c mà ph i tìm gi i thoát,  
Là ng i b t phàm, hà t t ph i tìm th n tiên.  
V n nhàn ng a nh c, ng i ph i già,  
V n m t gi ng thi n ch n am mây.  
Th phi r i d n cùng hoa bu i sáng,  
Lòng danh l i l nh ng t v i gi t m a êm.  
Hoa tàn m a t nh, núi non t ch m ch,  
M t ti ng chim kêu, xuân l i s p tàn.

y trong tr o tốt v i, m t màu bát ngát, tao tình thanh thoát, ý thú siêu qu n. Có  
t p i h ng h i ng m nhi u th hay, ti c n c y g p binh l a, không c  
l u luy n, tôi ch nh c c m t hài bài thôi. Ôi áng ti c thay !

Chú thích

T c Tr n Nhân Tông

忠直善終

Trung tr c thi n chung

范遇、范邁，本姓祝氏，交趾莊仁人也，兄名堅，弟名固，皆少年登高科，有才名。至正間，在陳明王，歷官清要，王以祝氏古無顯人，乃改祝堅為范遇，固為范邁。

王叔父為上宰，傳國柄，不避嫌疑，且與宰執有隙，適仇人上變告，誣搆上宰，國相率百官彈劾，議置大辟，獨范邁為御史中丞，固請緩獄慎刑，時上宰被收，而家臣寮屬、親戚奴僕下獄殺戮甚衆。邁連上諫疏，面折法司，辯析冤屈，人主威怒之前，力爭不已。

Ph m Ng , Ph m M i b n tính Chúc th , Giao Ch L Nhân nhân dã. Huynh danh Kiên, danh C , giai thi u niên ng cao khoa, h u tài danh. Chí Chính gian, s Tr n Minh V ng, l ch quan thanh y u. V ng d Chúc th c vô hi n nhân, nãi c i Chúc Kiên vi Ph m Ng , C vi Ph m M i.

V ng thúc ph vi Th ng t , chuy n qu c bính, b t t hi m nghi, th d T ch p h u khích. Thích c u nhân th ng bi n cáo vu c u Th ng t . Qu c t ng su t bách quan àn h c, ngh trí i t ch, c Ph m M i vi Ng s trung th a, c th nh hoãn ng c th n hình. Th i Th ng t b thu, nhi gia th n liêu, thu c thân thích nô b c h ng c sát l c th m chúng. M i liên th ng gián s di n chi t pháp t , bi n tích oan khu t, nhân chúa uy n chi ti n l c tranh b t d .

王叔既幽死，後得誣搆實跡，坐其姦人，王甚慚愧，追贈叔父極隆，乃賜邁詩云

臺烏久矣噤無聲，

整頓朝綱事匪輕，

殿上昂藏鷹虎氣，

男兒到此是功名。

尋遷叅知政事，在政府多年，有清名。一日微恙，索筆題詩云

自從謫落下人間，

六十餘年一瞬看。

白玉樓前秋夜月，

朝真依舊傍闌干。

書畢，擲筆而逝。有《鏡溪詩集》行于世。遇亦廉正能文，與弟齊名，官至

審刑院使而卒。

V ãng thúc ký u t . H u c vu c u th c tích, t a k gian nhân, v ãng th m tâm

c , truy t ãng thúc ph c c long. Nãi t M i thi vân

Ô ài c u h c m vô thanh,

Ch nh ãn tri u c ãng s ph khinh.

i ãn th ãng ngang tàng ãng h khí,

Nam nhi áo th th công danh.

T m thiên Tham tri chính s . T i chính ph ãa niên h u thanh danh. Nh t nh t vi

d ãng, sách bút thi vân

T ãng trích l c h nhân gian,

L c th p d ãn nh t thu ãn khan.

B ch Ng c lâu ti ãn thu d ãng nguy t,

Tri u chân y c u b ãng lan can.

Th t t, tr ch bút nhi th . H u Kính Khê thi t p hành vu th . Ng ãi c liêm chính,

n ng v n, d t danh. Quan chí Th m hình vi n s nhi t t.

D ch ngh a

S ng ngay th ng, ch t yên lành

Ph m Ng , Ph m M i nguyên là h Chúc, ng i L Nhân, Giao Ch . Anh tên Kiên, em tên C , tu i tr ã t l n, có tài danh. Kho ng n m Chí Chính, làm quan cho Tr n Minh V ng, tr i nhi u tr ng ch c. V ng cho h Chúc tr c không có ng i hi n t, bèn i Chúc Kiên thành Ph m Ng , C thành Ph m M i.

V ng thúc[1] làm Th ng t , n m quy n bính, không ng i hi m nghi, l i xích mích v i T ch p[2]. B ng có k thù d ng chuy n c p bi n, tâu lên vu cáo Th ng t . T ng qu c kéo tr m quan àn h c, ki n ngh t hình, riêng Ph m M i làm Ng s trung th a, c xin t t xét x th n tr ng vi c hình. Khi Th ng t b b t, n gia th n liêu thu c thân thích tôi t u b t ng giam, gi t chóc r t nhi u. M i liên ti p dâng s can ng n, tr c m t b bác pháp ty, bi n lu n phân tích n i oan khu t, tranh cãi không thôi tr c uy gi n c a chúa. V ng thúc b giam ch t. Sau, c b ng ch ng áng tin v s vu cáo, b t giam k gian, vua r t th n s , truy t ng thúc ph c c h u. Bèn ban cho M i th r ng

Ô ài[3] lâu r i im b t ti ng,

Ch nh n tri u c ng không ph i d .

Trên i n, ngang tàng nh ng h ,

Nam nhi nh th m i công danh.

R i chuy n làm Tham tri chính s . Trong chính ph nhi u n m, r t ti ng t m. M t hôm m nh , c m bút th r ng

T khi b ày r i xu ng nhân gian,

H n sáu m i n m m t cái nháy m t.

Tr ng êm thu, tr c l u B ch Ng c,

Ch u tr i, nh c , d a lan can.

Vì t xong, v t bút mà qua i. Có Kính Khê thi t p l u hành i. Ng c ng liêm chính, gi i v n, tên tu i ngang v i em. Làm n Th m hình vi n s thì m t.

Chú thích

T c Hu Võ V ng Tr n Qu c Ch n (ho c Ch n), chú ru t ng th i là b v vua Tr n Minh Tông

Có l là Tr n Kh c Chung, khi ó gi ch c i Hành khi n

Ch ài Ng s . Theo sách Hán th , bên c nh ài Ng s c a tri u Hán có khóm cây, hàng nghìn con qu n u ó. Vì v y, ài Ng s còn g i là Ô ài t c ài Qu

詩諷忠諫

Thi phúng trung gián

至正間，交趾陳元旦以陳家宗胄，仕裕王為御史大夫。王不勤政，權臣多不法，元旦數諫，不納。裕王沒，其侄昏德嗣立，時事愈甚。元旦上書，不報，乃乞骸骨而去。有《寄臺中寮友詩》云

臺端一去便天涯，

回首傷心事事違。

九陌塵埃人易老，

五湖風雨客思歸。

儒風不振回無力，

國勢如懸去亦非。

今古興亡真可鑑，

諸公何忍諫書稀。

Chí Chính gian, Giao Chỉ Tr n Nguyễn án d Tr n gia tông tr s D V ng vi  
Ng s i phu. V ng b t c n chính, quy n th n a b t pháp, Nguyễn án sát  
gián b t n p. D V ng m t, k i t Hôn c t l p, th i s d th m. Nguyễn  
án th ng th b t báo nãi kh t hài c t nhi kh . H u ký ài trung liêu h u thi vân  
ài oan nh t kh ti n thiên nhai,

H i th th ng tâm s s vi.

C u m ch tr n ai nhân d lão,

Ng H phong v khách t quy.

Nho phong b t ch n h i vô l c,

Qu c th nh huy n kh di c phi.

Kim c h ng vong chân kh giám,

Ch công hà nh n gián th hy.

後內難起，奔從藝王。王即位，拜司徒平章事，居相位，頗多年而卒。

其人通曉曆法，嘗著《百世通紀書》，上考堯甲辰，下至宋元，日月交蝕，

星辰纏度，與古符合，奉道精煉，祈雨有應，自號冰壺子。

H u n i n n kh i, bôn tòng Ngh V ng. V ng t c v, bái T bình ch ng s ,  
c T ng v ph a niên nhi t t.

K nhân thông hi u l ch pháp, th ng tr Bách th thông k th , th ng th o  
Nghieu Giáp thìn, h chí T ng, Nguyễn ; nh t nguy t giao th c, tinh th n tri n  
d c phù h p, ph ng o tinh luy n, k v h u ng. T hi u B ng H t .

D ch ngh a

Th bóng gió, trung thành can gián

Kho ng n m Chí Chính, Tr n Nguyên án Giao Ch là tôn th t nhà Tr n, làm quan cho D V ng, ch c Ng s i phu. V ng không siêng n ng chính s , quy n th n làm nhi u i u phi pháp, Nguyên án luôn can ng n, không dùng. D V ng m t, cháu là Hôn c[1] t l p, th i s càng t . Nguyên án dâng th , không áp, bèn xin hài c t mang v [2]. Có g i cho ng liêu trong ài th r ng Ng i ài m t khi i là n t n chân tr i, Ngo nh u, au lòng, vi c gì c ng trái m t. B i tr n ng sá ch n c u trùng, ng i d già, M a gió ch n Ng H , khách mu n n. Nho phong không ch n h ng, quay l i c ng b t l c, Th n c nh treo, ra i c ng không ph i. H ng ph x a nay th t có th làm g ng, Các ông sao n ít th can gián ? Sau, d y n i n n, ch y theo Ngh V ng. V ng lên ngôi, l y làm T Bình ch ng s , ngôi t ng nhi u n m r i m t. Ông là ng i thông hi u l ch pháp, t ng so n sách Bách th thông k , trên kh o t n m Giáp Thìn i Nghiêu, d i t i T ng, Nguyên ; nh t th c nguy t th c, tri n các sao u phù h p v i sách c , ph ng o tinh luy n, c u m a có ng nghi m. T hi u là B ng H t .

### Chú thích

T c D ng Nh t L

L y ý t câu nói c a Ph m T ng, quân s c a H ng V . Sau khi b m c l a k ph n gián c a Tr n Bình, H ng V ng nghi ng Ph m T ng làm ph n theo Hán, có ý l nh nh t. Ph m T ng gi n, nói v i H ng V r ng “Vi c thiên h ã nh r i, xin Bá V ng cho tôi mang hài c t v nhà”. Nh ng m i i n Bành Thành thì phát ung l ng mà ch t

詩用前人警句

Thi đ ng ti n nhân c nh cú

陳家宗胄有號岑樓者，弱冠能詩，二十七歲而卒，有《岑樓集》行于世，墳在烏鳶江上。介軒阮忠彥亦有詩名，不及相識，行過烏鳶，有追挽詩云

Tr n Tr n gia tông tr h u hi u S m Lâu gi nh c quan n ng thi, nh th p th t tu  
nhi t t. H u “S m Lâu t p” hành vu th . Ph n t i Ô Diên giang th ng. Gi i Hiên  
Nguy n Trung Ng n di c h u thi danh, b t c p t ng th c. Hành quá Ô Diên, h u  
truy vãn thi vân

平生恨不識岑樓，

一讀遺編一點頭。

簑笠五湖榮佩印，

桑麻數畝勝封侯。

世間此語誰能道，

萬古斯文去已休。

欲酌騷魂何處是，

煙波萬頃使人愁。

簑笠五湖一聯，是岑樓之詩句也。

Bình sinh h n b t th c S m Lâu,

Nh t c di biên nh t i m u.

Soa l p Ng H vinh b i n,

Tang ma s m u[1] th ng phong h u.

Th gian th ng thùy n ng o,

V n c t v n kh h h u.

D c lo i tao h n hà x th ,

Yên ba v n kho nh s nhân s u.

“Soa l p Ng H ” nh t liên th S m Lâu chi thi cú đã.

D ch ngh a

Th dùng câu hay c a ti n nhân

Tôn th t nhà Tr n có ng i hi u S m Lâu[2], tr tu i ã có tài th , hai m i b y

tu i thì m t. Có S m Lâu t p l u hành i. M trên b sông Ô Diên.

Nguy n Trung Ng n hi u Gi i Hiên c ng có ti ng th , nh ng không k p quen bi t.

i qua Ô Diên, có th vi ng r ng

Bình sinh h n không c bi t S m Lâu,

M i l n c th còn sót l i, m t l n cú u.

T i nón Ng H vinh h n mang n,

Dâu gai m y m u th ng phong h u.

L i y th gian ai nói c,

V n này muôn thu qua r i thôi.

Mu n rót r u t h n “tao”[3], bi t âu ?

Khói sóng muôn kho nh khi n ng i s u.

M t liên[4] “T i nón Ng H ” nguyên là câu th c a S m Lâu ó.

Chú thích

i Vi t s ký toàn th chép là t đã

Uy V n V ng Tr n Qu c To i, là cháu h và con r vua Tr n Thái Tông, n i ti ng hay th , có S m Lâu t p l u hành i.

Tao v n là t ch tác ph m Ly tao c a Khu t Nguyên, sau c coi nh m t th lo i th

Liên cú, ch c p câu tam và t ,ng và l c trong th th th t ngôn ng lu t.  
Nh ng câu này ng i v i nhau, t o thành m t liên

詩言自負

Thi ngôn t ph

阮忠彥，早有才名，頗自負，嘗有長篇詩，其畧云

介軒先生廟廊器，

茂齡已有吞牛志。

年方十二太學生，

纔登十六充廷試。

二十有四入諫官，

二十有六燕京使。

其自負矜伐如此。然事陳明王，歷樞要，登政府，卒有令名，不負儒者，官

至尚書左輔，壽八十餘。有《介軒集》行于世。

Nguy n Trung Ng n, t o h u tài danh, ph t ph , th ng h u tr ng thi thiên, k

l c vân

Gi i Hiên tiên sinh lang mi u khí

M u linh d h u thôn ng u chí

Niên ph ng th p nh Thái h c sinh

Tài ng th p l c sung ình thí

Nh th p h u t nh p Gián quan

Nh th p h u l c Yên Kinh s

K t ph c ng ph t nh th . Nhiên s Tr n Minh V ng, l ch khu y u, ng

chính phủ, t t h u l nh danh, b t ph nho gi , quan chí Th ng th T ph , th bát  
th p d , h u “Gi i Hiên t p” hành vu th .

D ch ngh a

L i th t ph

Nguy n Trung Ng n, s m có tài danh, r t t ph , t ng có th tr ng thiên, i  
l c r ng

Tiên sinh Gi i Hiên tài lang mi u

Tu i thanh niên ã có chí nu t râu

N m m i hai tu i Thái h c sinh

V a n m i sáu đ thi ình

Hai m i t tu i làm Gián quan

Hai m i sáu tu i s Yên Kinh

y t ph kiêu c ng nh th . Tuy nhiên th Tr n Minh V ng, tr i ch c khu y u,  
lên chính phủ, cu i cùng có l nh danh, không th n là nho gi , quan n Th ng  
th T ph , th ngoài tám m i, có “Gi i Hiên t p” l u hành i

命通詩兆

M nh thông thi tri u

黎括字伯括，清化人也。少時，游學都下，其友人為官者，當元季時，奉使

燕京，括送詩云

驛路三千君據鞍，

海門十二我還山。

中朝使者煙波客，

君得功名我得閒。

識者知括將貴，後括登科，果驟遷，擢居政府，先於其友人。

Lê Quát t Bá Quát, Thanh Hóa nhân dã. Ti u thì, du h c ô h , k h u nhân vi  
quan gi , ng nguyên quý thì ph ng s Yên Kinh, Quát t ng thi vân

D ch l tam thiên quân c an,

H i môn th p nh ngã hoàn san.

Trung tri u s gi , yên ba khách,

Quân c công danh, ngã c nhàn.

Th c gi tri Quát t ng quý, h u Quát ng khoa, qu s u thiên, tr c quan chính  
ph , tiên k h u nhân

D ch ngh a

S m nh thông qua i m th

Lê Quát, t Bá Quát, là ng i Thanh Hóa. Lúc tr , du h c kinh ô, có ng i b n  
làm quan, g p lúc ph ng m nh i s Yên Kinh, Quát ti n, có th r ng

ng tr m ba nghìn, anh ng i yên ng a

C a bi n m i hai, tôi v núi

S gi trung tri u[1], khách khói sổng

Anh c công danh, tôi c nhàn

K th c gi bi t Quát s quý hi n, sau Quát thi , qu nhiên c th ng chuy n  
làm quan trong chính ph , h n h n ng i b n kia.

Chú thích

Ch Trung Qu c

詩志功名

Thi chí ngôn hành

范五老，事陳仁王，為殿帥上將軍。平生出身戎行，頗好讀書，倜儻有大志，

喜吟詩于武事，若不經意。然所領軍，必為父子之兵，每戰必勝，侍衛勤謹，

首寇爪牙之臣。嘗有詩云

橫梁江山恰幾秋，

三軍貔虎氣吞牛。

男兒未了功名債，

羞聽人間說武侯。

Ph m Ng Lão, s Tr n Nhân V ng, vi i n ti n Th ng t ng quân, bình sinh xu t thân hung h ng, ph hi u c th , thích th ng h u i chí, h ngâm thi, vu v ã s nh c b t kinh ý, nhiên s lãnh quân, t t vi ph t chi binh, m i chi n t t th ng, th v c n c n, thú kh u tr o nha chi th n. Th ng h u thi vân

Hoành sóc giang s n khắp k thu

Tam quân tì h khí thôn ng u

Nam nhi v li u công danh trái

Tu thính nhân gian thuy t V h u[1]

D ch ngh a

Th nói chí công danh

Ph m Ng Lão, th Tr n Nhân V ng, làm i n ti n Th ng t ng quân, bình sinh xu t thân trong quân ng , l i ham c sách, phóng khoáng có chí l n, thích ngâm th , vi c võ b d ng nh không ý, nh ng quân ông qu n lãnh, th c là quân cha con, ã ánh là th ng, b o v ch m ch c n th n, gi c c p ra thú [ c thu d ng thành] thu c h nanh vu t. T ng có th r ng

Múa giáo gi a non sông ã m y thu

Ba quân khí th nh h , nu t trôi trâu

K nam nhi v n ch a tr h t n công danh

Th n nghe nhân gian nói chuy n V h u

## Chú thích

V h u Gia Cát L ãng, danh t ãng c a nhà Th c Hán th i Tam Qu c Trung Qu c

小詩麗句

## Ti u thi l cú

陳家宗胄，有號愛山者，頗讀書學詩，偏好花情，多吟小詩，時有麗句，嘗有詩云

寶鼎香銷沉水煙，

碧紗春帳薄如蟬。

洞章吟罷愁成海，

人在闌干月在天。

又曰

牕畔香雲暗碧紗，

平分午睡不禁茶。

相思在望登樓怯，

一樹木綿紅盡花。

Tr n gia tông tr , h u hi u Ái S ãng , ph c th h c thi, thiên hi u hoa tình, a ngâm ti u thi, th i h u l cú. Th ãng h u thi vân

B o ãnh h ãng tiêu tr m th y yên,

Bích sa xuân tr ãng b c ãnh thi n.

ng ch ãng ngâm bã s u thành h i,

Nhân t i lan can nguy t t i thiên.

H u vi t

Song b n h ng vân ám bích sa,

Bình phân ng th y b t c m trà.

T ng t t i v ng ng lâu khi p,

Nh t th th y miên h ng t n hoa.

D ch ngh a

Th ng n l i p

Tôn th t nhà Tr n có ng i hi u Ái S n, r t ham c sách h c th , v n thích phong tình, hay ngâm th ng n, th nh tho ng có câu p. T ng có th r ng

Khói tr m nh h ng báu tiêu tan h t,

Màn xuân the bi c m ng t a cánh ve.

Bài th sâu s c ngâm xong, s u thành bi n,

Ng i t i lan can, tr ng t i tr i.

L i có

Mây th m bên song m the bi c,

Th ng ng tr a d y ch ng kiêng chè,

ang t ng t , s b c lên l u,

M t cây g o, màu nhu m c hoa

詩酒驚人

Thi t u kinh nhân

濱州人胡宗鷺，少年登科，頗有才名。初未甚顯，適至元宵，有道人黎法官

者，張燈設席，以延文客。宗鷺受簡請題。一夜席上，賦詩百首，飲酒百杯，

衆皆環視歎服，無與敵者。自是名震都下，後以文學為人師，臣事陳藝王，

官至翰林學士承旨兼審刑院使，詩酒無虛日。年八十餘，壽終于家。

Di n Châu nhân H Tông Th c, thi u niên ng khoa, ph h u tài danh. S v  
thâm hi n, thích chí nguyên tiêu, h u o nhân Lê Pháp quan gi , tr ng ng  
thi t t ch, d diên v n khách. Tông Th c th gi n th nh . Nh t d t ch th ng phú  
thi bách th , m t u bách bôi, chúng giai hoàn th thán ph c, vô d ch gi . T th  
danh ch n ô h , h u d v n h c v nhân s . Th n s Tr n Ngh V ng, quan chí  
Hàn lâm h c s , Th a ch kiêm Th m hình vi n s , thi t u vô h nh t. Niên bát  
th p d , th chung vu gia.

D ch ngh a

Th r u làm s ng i ta

Ng i Di n Châu H Tông Th c, thi t tr , r t có tài danh. Ban u ch a n i  
ti ng l m, nhân n Nguyên tiêu, có o nhân Pháp quan h Lê gi ng èn m ti c,  
r c khách v n ch ng. Tông Th c nh n gi y m i th . Trong m t êm, trên  
ti c làm tr m bài th , u ng tr m chén r u, ai n y xúm nhìn thán ph c, không ai  
ch n i. T ó danh ng kinh ô, sau dùng v n tài làm th y ng i. Làm quan th  
Tr n Ngh V ng, quan Hàn lâm h c s , Th a ch kiêm Th m hình vi n s , th  
r u không ngày nào v ng. Tu i ngoài tám m i, m t t i nhà.

詩兆餘慶

Thi tri u d kh ng

澄太父之外祖曰阮公，諱聖訓，事陳仁王為中書侍郎，性甚仁厚，少年登高  
科，最能詩，當時無敵，後人稱為”南方詩祖”。嘗有《田園漫興詩》，其一  
聯云

巢鳥寄林休伐木，

蟻封在地未耕田。

識者歎其仁心及物，必有餘慶

Tr ng i ph chí ngo i t vi t Nguy n công, húy Thánh Hu n, s Tr n Nhân  
V ng vi Trung th th lang. Tính th m nhân h u. Thi u niên ng cao khoa, t i  
n ng thí, ng th i vô ch, h u nhân x ng vi “Nam ph ng thi t”. Th ng h u  
“ i n viên m n h ng thi”, k nh t liên vân

Sào i u ký lâm h u ph t m c,

Nghi phong t i a v canh i n.

Th c gi thán k nhân tâm c p v t t th u d kh ng.

後其女配我曾祖，生太父，及陳明王次妃。妃生，藝王卒，有贈典尊榮門閥，

昌盛之福，果如識者所言，其兆先見于此詩乎？以至四世外孫，如澄，今者

出自幽谷，遷于喬木，溝斷之餘，濫同成器，豈非先人之澤未割？乃得生逢

聖世，深沐堯仁，而有此奇遇也歟！

H u k n ph i ngã t ng t , sinh i ph c p Tr n Minh V ng th phi. Phi sinh  
Ngh V ng. T t h u t ng i n tôn vinh môn phi t, x ng th nh chi phúc qu nh  
th c gi s ngôn, k tri u tiên ki n th thi h ? D chí t th ngo i tôn nh Tr ng  
kim gi , xu t t u c c, thiên vu ki u m c, càn o n chi d l m ng thành khí,  
kh i phi tiên nhân chi tr ch v cát, nãi c sinh phùng thành th , thâm m c Nghiêu  
nhân, nhi h u th k ng dã d ?

D ch ngh a

i m th phúc tr ch v sau

Ông ngo i c a i ph Tr ng[1] là Nguy n công, húy Thánh Hu n, th Tr n Nhân  
V ng, làm Trung th th lang. Tính r t nhân h u. Còn tr ã thi cao, c c hay

th , ng th i vô ch, ng i sau g i là “Thi t ph ng Nam”. T ng có th  
“ i n viên m n h ng”, có m t liên r ng

T chim g i r ng, ng ng ch t g ,  
ki n d i t, ch a cày ru ng.

Th c gi khen lòng nhân n c loài v t, t phúc cho con cháu. Sau, g con gái  
cho t ng t [2] tôi, sinh i ph tôi và bà th phi Tr n Minh V ng. Bà phi sinh  
Ngh V ng. Lúc m t, phong t ng t tiên theo i n “tôn vinh môn phi t”, phúc  
th nh y qu úng nh l i th c gi nói, nó ã hi n tr c trong th trên ch ng ? Cho  
n cháu ngo i b n i nh Tr ng nay, “ra t hang sâu, d i n cây cao”[3], m t  
khúc rãnh th a c ng thành khí[4], ch ng ph i do phúc tr ch c a tiên nhân ch a d t,  
m i c sinh g p tri u thánh, t m g i nhân Nghiêu, mà có duyên k ng này ?

Chú thích

T c ông n i c a H Nguyên Tr ng, cha H Quý Ly

T ng t là c n i

Th Ph t m c, Ti u nhã, Kinh Thi

Khí t c v t có ích

詩稱相職

Thi x ng t ng ch c

陳藝王初為相時，有《送元使詩》云

安南老相不能詩，

空對金樽送客歸。

圓傘山高瀘水碧，

遙瞻玉節五雲飛。

其弟恭信，性文雅，好詩畫，後為右相，亦有《尋幽詩》云

槁七八重虹宛轉，

水東西折綠縈迴。

不因看石尋梅去，

安得昇平宰相來？

Tr n Ngh V ng s vi t ng th i, h u “T ng Nguyên s thi” vân

An Nam lão t ng b t n ng thi,

Không i kim tôn t ng khách quy.

Viên T n s n cao, Lô th y bích,

Dao chiêm ng c ti t ng vân phi.

K Cung Tín, tính v n nhã, hi u thi h a, h u vi H u t ng, di c h u “T m u thi”

vân

Ki u th t bát trùng h ng uy n chuy n,

Th y ông tây chi t l c oanh h i.

B t nhân khán th ch t m mai kh ,

An c th ng bình T t ng lai.

D ch ngh a

Th x ng ch c T t ng

Tr n Ngh V ng khi m i làm T t ng, có bài th “Ti n s Nguyên” r ng

Lão T t ng An Nam ch ng th o th ,

Ng i sông tr c chén vàng ti n khách v .

Núi T n Viên cao, dòng Lô Th y bi c,

V i trông theo c s bay vào n m mây.

Em là Cung Tín[1], tính thanh nhã, thích thi h a, sau làm H u t ng qu c, c ng có th “T m u” r ng

C u b y tám l p nh c u v ng u n l n,

N c ông tây g p khúc, màu xanh quanh co.

Không nhân d p tìm mai ng m á,

Thì ch n này âu mong có v T t ng th i th ng bình n ch i

Chú thích

Cung Tín V ng Tr n Thiên Tr ch (?-1379), con trai c a Tr n Minh Tông, em trai Tr n Ngh Tông

詩歎致君

Thi thán trí quân

水壺司徒《題玄天觀詩》云

白日升天易，

致君堯舜難。

塵埃六十載，

回首媿黃冠。

蓋為相時，不有功效，而興此歎。是亦憂愛在懷，情歸忠厚，詩人所可取也

歟！

B ng H T “ Huy n Thiên quán thi” vân

B ch nh t th ng thiên d ,

Trí quân Nghiêu Thu n nan.

Tr n ai l c th p t i,

H i th quý hoàng quan.

Cái vị t ng th i, b t h u công hi u nhi h ng th thán, th di c u ái t i hoài, tình quy trung h u, thi nhân s kh th đã d ?

D ch ngh a

Th than hai ch “trí quân”

B ng H T [1] có th “ quán Huy n Thiên[2]” r ng

Ban ngày lên tr i d

Giúp vua thành Nghiêu Thu n khó

S ng cõi tr n ã sáu m i n m

Ngo nh u, x u h v i o s

Có l khi làm T t ng, th y không có công m i than th nh v y, c ng là u ái trong lòng, tình quy trung h u, ó là ch kh th c a thi nhân ch ng ?

Chú thích

Tr n Nguyên án

Có l là quán Huy n Thiên thu c “Th ng Long t quán”, th Huy n Thiên Tr n V , nay là chùa Huy n Thiên thu c ph Hàng Khoai, Hà N i

貴客相歡

Quý khách t ng hoan

軍頭莫記，東潮人也，出身行伍，酷好吟詩。元統間，伴送元使黃裳，裳亦好詩者，旬日江行，相與唱和，多有佳句，裳甚歡之。至界上，留《別詩》

云

江岸梅花正白，

船頭細雨斜飛，

行客三冬北去，

將軍一棹南歸。

Quân u M c Ký, ông Tri u nhân dã, xu t thân hàng ng , kh c hi u ngâm thi.  
Nguyên Th ng gian b n t ng Nguyên s Hoàng Th ng, Th ng di c hi u thi gi ,  
tu n nh t giang hành t ng d x ng h a, a h u giai cú, Th ng th m hoan chi.

Chí gi i th ng l u bi t thi vân

Giang ng n mai hoa chính b ch,

Thuy n u t v tà phi.

Hành khách tam ông B c kh ,

T ng quân nh t tr o Nam quy.

D ch ngh a

Khách quý cùng vui

Quân u M c K , ng i ông Tri u, xu t thân quân ng , l i r t thích th .

Kho ng n m Nguyên Th ng, ti n a s Nguyên là Hoàng Th ng, Th ng c ng  
là ng i thích th , m t tu n[1] i trên sông cùng nhau x ng h a, có nhi u câu  
hay, Th ng r t vui. n u a gi i, có th l u bi t r ng

B sông hoa mai n tr ng,

u thuy n m a nh l t ph t bay.

Gi a ba ông hành khách v B c,

M t mái chèo T ng quân l i Nam.

Chú thích

L ch x a, m t tu n là m i ngày

南翁夢錄後序

Nam Ông m ng l c h u t

《南翁夢錄》者，今工部左侍郎黎公所作也。公字孟源，南翁其別號也。公

交南之巨擘，賔興天朝，久沐清化，以耆才碩德，受知列聖，累遷至亞卿，實奇遇也。公文章政事兩濟其美，每於公餘之頃，追念舊日，賢王良佐之行事、君子善人之處心、貞妃烈婦之操節、緇流羽客之奇術，與夫綺麗之句，幽恠之說，可以傳示於後者，具載成編，名曰《南翁夢錄》。

“Nam Ông m ng l c” gi , kim Công b T Th lang Lê công s tác dã. Công t M nh Nguyên, Nam Ông k bi t hi u dã. Công Nam Giao chi c phách, tân h ng thiên tri u, c u m c thanh hoa, d k tài th c c, th tri li t thánh, l y thiên chí Á khanh, th c k ng dã.

Công v n ch ng chính s l ng t k m . M i công d chi kho nh, truy ni m c u nh t hi n v ng l ng tá chi hành s , quân t thiên nhân chi x tâm, trinh phi li t ph chi tháo ti t, truy l u v khách chi k thu t, d phù l chi cú, u quái chi thuy t, kh d truy n th h u gi , c tái thành biên, danh vi t “Nam Ông m ng l c”.

予與公有鄉曲之好，一日以斯《錄》見示，乃遍閱之，因而言曰：地有遠近，而所同者此心；心有彼我，而所同者此理。以天下之大而言之，交南乃叢爾之偏方，固不敢與中國齒，以《錄》中所載者而論之，其修身制行，持心操節，又何異於中國之士君子哉！《詩》曰：民之秉彝，好是懿德。其以此歟！雖然前人之嘉言懿行縱多，然非公之好善有誠，固不能樂聞而著之於心胷之間。今也，不徒聞之而已，而又筆之於書，使前人湮沒之餘，一旦言行彰彰然表暴於世，若予之後生晚學，於事有所未聞者，亦得一覽而知之。匪唯前人之幸，而亦予之一幸也。是《錄》足以資見聞，乃命繡梓以廣其傳，俾覽

者知仁人之用心，而亦以見遐方之多才也歟！禮部尚書胡公既為序引，予姑識歲月于後云。

正統七年，歲在壬戌，五月中澣，亞中大夫福建等處承宣布政使司右叅政交南宋彰書

D d ông h u h ãng khúc chi h o, nh t nh t d t l c ki n th , nãi bi n duy t chi, nhân nhi ngôn vi t: “ a h u vi n c n, nhi s ãng gi , th tâm, tâm h u b ãng, nhi s ãng gi , th lý. D thiên h chi i nhi ngôn chi, Giao Nam nãi toát nh chi thiên ph ãng, c b t c m d Trung Qu c x . D l c trung s tái gi nhi lu n chi, k tu thân th h nh, trì tâm tháo ti t, h u hà d Trung Qu c chi s quân t tai! Thi vi t: “Dân chi b nh dĩ, hi u th ý c”, k d th d ? Tuy nhiên, ti n nhân chi gia ngôn ý hành túng a, nhiên phi Công chi hi u thi n h u thành, c b t n ãng l c v n nhi tr c chi tâm hung chi gian. Kim dã, b t v n chi nhi d , nhi h u bút chi th , s ti n nhân yên m t chi d , nh t án ngôn hành ch ãng ch ãng nhiên bi u b c th . Nh c d chi h u sinh vãn h c, s h u s v v ãng i , di c c nh t lãnh nhi tri chi, ph duy ti n nhân chi h nh, nhi di c d chi nh t h nh dã”. Th l c túc d t ki n v n, nãi m nh tú t , d qu ãng k truy n, t lãnh gi tri nhân nhân chi d ãng tâm, nhi di c d ki n hà ph ãng chi a tài dã d .

L b Th ãng th H công ký vi t d n, d cô chí tu ãng t vu h u vân.

Chính Th ãng th t niên, tu t i Nhâm Tu t, ãng ãng t trung cán, Á trung i phu, Phúc Ki n ãng x Th a tuyên B chính s ty H u Tham chính, Giao Nam T ãng Ch ãng th .

D ch ãng a

Bài t a sau sách “Nam Ông m ãng l c” (T ãng Ch ãng)

Sách “Nam Ông m ãng l c” này, do Lê công hi ãng ch c Công b T Th lang làm ra. Công t M nh Nguyên, Nam Ông là bi t hi u v y ó. Công là c phách

c a Nam Giao, thiên tri u ti p ón, t m g i tinh hoa ã lâu, nh tài l c cao, thánh hoàng tri ng , th ng mãi lên Á khanh, th t duyên k ng v y.

Công, v n ch ng và chính s u p . Th ng nh ng lúc vi c công nhàn r i, nh l i chuy n c , vi c làm c a vua hi n tôi gi i, cái tâm c a quân t thi n nhân, tí t tháo c a trinh phi li t ph , thu t l c a o s t ng nhân, cùng v n th p , câu chuy n u quái, có th truy n l i cho i sau, u chép thành sách, t là “Nam Ông m ng l c”.

Tôi v i ngài có tình quê h ng, m t hôm mang sách này cho xem, bèn c kh p l t, nhân ó th t lên “ t có xa g n, v n có i m gi ng, là tâm, tâm tuy ta ng i, v n có i m gi ng, là lý. L y vi c l n trong thiên h mà nói, thì Giao Nam ch ng qua là m t ph ng tr i, không dám sánh v i Trung Qu c. Nh ng theo ghi chép trong sách mà bàn, thì tu thân t o h nh, gìn lòng gi tí t, có khác gì s quân t Trung Qu c âu ! Thi nói “Dân theo l th ng, ham cái c t t”[1], nói i u ó ? Tuy nhiên, l i hay vi c t t c a ng i x a có nhi u n a, nh ng n u Công không th t lòng thích i u thi n, thì không th nghe vui v và kh c ghi vào lòng c. Nay thì, không ch nghe r i y, còn c m bút chép vào sách, l i nói vi c làm ng i x a b y lâu mai m t, m t s m c trình bày rõ ràng trong cõi i. Nh tôi k sinh sau h c mu n, nhi u vi c ch a c nghe n, ch c sách này m t này c ng bi t c c , không ch là cái may c a ng i x a mà còn là cái may c a tôi n a”. Vì sách này giúp thêm ki n v n, ã cho kh c in, truy n r ng rãi, khi n ng i xem bi t c đ ng tâm c a b c nhân, c ng th y ph ng xa có l m nhân tài v y. Quan Th ng th b L H công ã làm t a đ n, tôi t m ghi n m tháng vào sau.

Trung tu n tháng n m, n m Nhâm Tu t, niên hi u Chính Thông th b y (1442).

Á trung i phu, Phúc Ki n ng x Th a tuyên B chính s ty H u Tham chính,

Giao Nam T ng Ch ng vi t.

Chú thích

Câu trong bài Ch ng dân, i nhã, Kinh Thi